

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ MÔ MẢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH ĐỂ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐE THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU PHỨC HỢP ĐÔ THỊ DU LỊCH SINH THÁI,
SÂN GÔN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÔN ĐÔNG KẾT, XÃ KHOÁI CHÂU
(Kèm theo Tờ trình số /TT-TTPTQĐ 01 ngày / /2026 của Trung tâm phát triển quỹ đất số 01)

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Lê Thị Xuyên	1	Đỗ Thị Kén	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chi, vữa TH M50 KT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,2m + 0,8m) x 2 x 0,5m + (0,7m + 0,6m x 2) x 0,9m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,3m x 0,9m x 0,1m+ 1,1m x 0,9m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Ôp đá Granit tự nhiên vào tường, sử dụng keo dán, DT: (1,3m + 0,9m) x 2 x 0,5m + (0,7m + 0,6m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,9m + 1,1m x 0,9m	m²	#####	1,707,081	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 114
2	Đỗ Như Thanh	7	Lê Thị Nghiêm; Đỗ Văn Quảng; Đỗ Như Song; Đỗ Thị Chụt; Đỗ Như Bột; Đỗ Như Đại; Đỗ Như Long	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chi, vữa TH M50, KT: (1,8m + 1,03m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,8m + 1,03m) x 2 x 0,6m + (0,93m + 0,6m x 2) x 0,9m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: 1,9m x 1,13m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Trát granitô tường vữa XM mác 75 KT: (1,9m + 1,13m) x 2 x 0,6m + (1,13m + 0,6m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,9m x 1,13m	m²	#####	394,833	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 103
3	Đỗ Như Hải	2	Đỗ Như Tôn Chưa có tên	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chi, vữa TH M50, KT: (1,4m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,4m + 1,0m) x 2 x 0,6m + (0,7m + 0,6m x 2) x 0,9m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,5m x 1,1m x 0,1m+ 1,1m x 0,7m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,5m+1,1m) x 2 x 0,6m + (0,7m + 0,6m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,5m x 1,1m + 1,1m x 0,7m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
4	Lê Văn Xuất	5	Lê Văn Đức; Lê Văn Đang; Đỗ Thị Tôn; Lê Văn Đường; Đỗ Thị Nhu	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chi, vữa TH M50, KT: (1,96m + 0,96m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((2,06m + 1,06m) x 2 x 0,5m + (0,96m + 0,45m x 2) x 0,65m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 2,16m x 1,16m x 0,1m+ 1,16m x 1,0m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50, DT: (2,16m + 1,16m) x 2 x 0,5m + (1,16m + 0,45m x 2) x (0,65m x 2 + 0,11m) + 2,16m x 1,16m + 1,16m x 1,0m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ, DT: (2,16m + 1,16m) x 2 x 0,5m + (1,16m + 0,45m x 2) x (0,65m x 2 + 0,11m) + 2,16m x 1,16m + 1,16m x 1,0m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
				Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
5	Đỗ Thị Hà	3	Đỗ Hữu Miên; Đỗ Thị Tý; Đỗ Hữu	Xây móng mộ bằng gạch chi, vữa TH M50, KT: (1,3m + 0,7m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?	#NAME?	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,3m + 0,7m) x 2 x 0,4m + (0,6m + 0,45m x 2) x 0,5m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 KT mặt mộ và mái KT: 1,4m x 0,8m x 0,1m+ 0,8m x 0,7m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50, DT: (1,4m + 0,8m) x 2 x 0,4m + (0,6m + 0,45m x 2) x (0,5m x 2 + 0,11m) + 1,4m x 0,8m + 0,8m x 0,7m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Óp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,4m + 0,8m) x 2 x 0,4m + (0,6m + 0,45m x 2) x (0,5m x 2 + 0,11m) + 1,4m x 0,8m + 0,8m x 0,7m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
		1	Đỗ Hữu Năng	Mộ đất có chủ đã cải tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	7,000,000		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
		1	Đỗ Thị Vệt	Mộ đất có chủ đã cải tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	7,000,000		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
6	Trần Bá Dũng	2	Đỗ Thị Cán; Đỗ Khắc Nhỡ	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chi, vữa TH M50, KT: (1,52m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,52m + 0,8m) x 2 x 0,6m + (0,7m + 0,6m x 2) x 0,85m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,62m x 0,9m x 0,1m+ 0,9m x 0,7m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Óp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,62m + 0,9m) x 2 x 0,6m + (0,9m + 0,6m x 2) x (0,85m x 2 + 0,11m) + 1,62m x 0,9m + 0,9m x 0,7m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
7	Đỗ Hữu Tuấn	1	Đỗ Chí Hương	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chi, vữa TH M50, KT: (0,8m + 0,36m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((0,8m + 0,36m) x 2 x 0,4m + (0,26m + 0,45m x 2) x 0,65m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: 0,9m x 0,46m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Óp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (0,9m + 0,46m) x 2 x 0,4m + (0,46m + 0,45m x 2) x (0,65m x 2 + 0,11m) + 0,9m x 0,46m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
8	Lê Thị Dậu	1	Đỗ Thị Mông	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chi, vữa TH M50, KT: (1,56m + 1,13m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,66m + 1,23m) x 2 x 0,8m + (1,13m + 0,6m x 2) x 1,0m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,76m x 1,33m x 0,1m+ 1,33m x 0,9m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50, DT: (1,76m + 1,33m) x 2 x 0,8m + (1,33m + 0,6m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 1,76m x 1,33m + 1,33m x 0,9m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Óp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,76m + 1,33m) x 2 x 0,8m + (1,33m + 0,6m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 1,76m x 1,33m + 1,33m x 0,9m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
		3	Đỗ Thị Phương; Đỗ Thị Lịch; Đỗ Đắc Đo	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chi, vữa TH M50, KT: (1,4m + 0,9m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,4m + 0,9m) x 2 x 0,6m + (0,8m + 0,6m x 2) x 0,8m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái, KT: 1,5m x 1,0m x 0,1m + 0,75m x 1,0m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Óp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,5m + 1,0m) x 2 x 0,6m + (1,0m + 0,6m x 2) x (0,8m x 2 + 0,11m) + 1,5m x 1,0m + 1,0m x 0,75m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
9	Nguyễn Đức Tiếp (Đại diện nhận)	1	Phan Văn Thoa	Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (1,1m + 0,95m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?	#NAME?	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,1m + 0,95m) x 2 x 0,6m + (0,85m + 0,6m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: 1,2m x 1,05m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 KT, DT: (1,2m + 1,05m) x 2 x 0,6m + (0,85m + 0,6m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,2m x 1,05m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
10	Đỗ Như Lan	1	Đỗ Như Tịnh	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (1,1m + 0,95m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,1m + 0,95m) x 2 x 0,6m + (0,85m + 0,6m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: 1,2m x 1,05m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 KT, DT: (1,2m + 1,05m) x 2 x 0,6m + (0,85m + 0,6m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,2m x 1,05m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
	Trần Xuân Đình	1	Hiệu Diệu Phó	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (1,75m + 1,2m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,85m + 1,3m) x 0,65m x 2 + (1,2m + 0,6m x 2) x 0,8m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: 1,95m x 1,4m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50, DT: (1,95m + 1,4m) x 0,65m x 2 + (1,4m + 0,6m x 2) x (0,8m x 2 + 0,11m) + 1,95m x 1,4m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ, DT: (1,95m + 1,4m) x 0,65m x 2 + (1,4m + 0,6m x 2) x (0,8m x 2 + 0,11m) + 1,95m x 1,4m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
		1	Đỗ Thị Thục	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (0,85m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((0,85m + 0,8m) x 2 x 0,65m + (0,7m + 0,45m x 2) x 0,8m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 0,95m x 0,9m x 0,1m+ 0,9m x 0,5m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Ốp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (0,95m + 0,9m) x 2 x 0,65m + (0,9m + 0,45m x 2) x (0,8m x 2 + 0,11m) + 0,95m x 0,9m + 0,9m x 0,5m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
		1	Trần Đức Tình	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (1,5m + 1,02m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,6m + 1,12m) x 2 x 0,68m + (1,02m + 0,6m x 2) x 0,8m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,7m x 1,22m x 0,11m x 2+ 1,22m x 0,8m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,7m + 1,22m) x 2 x 0,68m + (1,22m + 0,6m x 2) x (0,8m x 2 + 0,11m) + 1,7m x 1,22m + 1,22m x 0,8m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
12	Đỗ Hữu Tuấn	1	Đỗ Hữu Thiệp	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (1,13m + 0,72m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,13m + 0,72m) x 2 x 0,6m + (0,62m + 0,45m x 2) x 0,65m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,23m x 0,82m x 0,1m+ 0,82m x 0,6m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,23m + 0,82m) x 2 x 0,6m + (0,82m + 0,45m x 2) x (0,65m x 2 + 0,11m) + 1,23m x 0,82m + 0,82m x 0,6m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
		2	Đỗ Văn Nghi; Đỗ Thị Vi	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (1,55m + 0,6m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,55m + 0,6m) x 2 x 0,9m + (0,5m + 0,5m x 2) x 1,0m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT : 1,65m x 0,7m x 0,1m+ 0,8m x 0,7m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,65m + 0,7m) x 2 x 0,9m + (0,7m + 0,5m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 1,65m x 0,7m + 0,8m x 0,7m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
		3	Tường Thị Lý; Đỗ Văn Luyện; Đỗ Văn Đồng	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (1,8m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,9m + 1,1m) x 2 x 1,0m + (1,0m + 0,7m x 2) x 1,0m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 2,0m x 1,2m x 0,1m+ 1,2m x 1,0m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (2,0m + 1,2m) x 2 x 1,0m + (1,2m + 0,7m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 2,0m x 1,2m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Dán ngói mũi hài DT: (1,2m + 1m) x 0,6m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214		
		1	Hiệu Diệu Chiến	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (1,5m + 1,02m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, DT: ((1,6m + 1,12m) x 2 x 0,68m + (1,02m + 0,6m x 2) x 0,8m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái, KT: 1,7m x 1,22m x 0,11m x 2+ 1,22m x 0,8m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,7m + 1,22m) x 2 x 0,68m + (1,22m + 0,6m x 2) x (0,8m x 2 + 0,11m) + 1,7m x 1,22m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109		
				Dán ngói mũi hài DT: (1,2m + 1m) x 0,6m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214		
				Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026		
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (1,8m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11		
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, DT: ((1,9m + 1,1m) x 2 x 1,0m + (1,0m + 0,6m x 2) x 1,0m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15		

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
		1	Mộ tổ họ Đỗ Văn	Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 2,0m x 1,2m x 0,1m + 2,0m x 1,2m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?	#NAME?		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Ốp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (2,0m + 1,2m) x 2 x 1,0m + (1,2m + 0,6m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 2,0m x 1,2m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Dán ngói mũi hài KT: (2m + 1,2m) x 0,6m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
14	Đỗ Khắc Thành	1	Hiệu Diệu Kiên	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (1,3m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,4m + 1,1m) x 2 x 0,6m + (1,0m + 0,6m x 2) x 0,8m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái, KT: 1,5m x 1,2m x 0,1m + 0,9m x 0,9m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,5m + 1,2m) x 2 x 0,6m + (1,2m + 0,6m x 2) x (0,8m x 2 + 0,11m) + 1,5m x 1,2m + 0,9m x 0,9m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
		1	Hiệu Diệu Bích	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (1,5m + 1,02m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,6m + 1,12m) x 2 x 0,6m + (1,02m + 0,6m x 2) x 0,88m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,7m x 1,22m x 0,1m + 0,9m x 0,9m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,7m + 1,22m) x 2 x 0,6m + (1,22m + 0,6m x 2) x (0,88m x 2 + 0,11m) + 1,7m x 1,22m + 0,9m x 0,9m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
15	Nguyễn Thị Hiệp	4	Đỗ Công Bông; Nguyễn Thị Phiếu; Bà Gái; Ông Trai	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (1,1m + 0,95m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,1m + 0,95m) x 2 x 0,6m + (0,85m + 0,45m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,2m x 1,05m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 KT, DT: (1,2m + 1,05m) x 2 x 0,6m + (1,05m + 0,45m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,2m x 1,05m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
16	Lê Thế Thụ	3	Lê Thế Căn; Cự Lý; Cự Dự	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (1,1m + 0,7m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,1m + 0,7m) x 2 x 0,4m + (0,6m + 0,45m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,2m x 0,8m x 0,1m + 0,8m x 0,6m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 KT, DT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 0,4m + (0,8m + 0,45m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,2m x 0,8m + 0,8m x 0,6m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ, DT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 0,4m + (0,8m + 0,45m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,2m x 0,8m + 0,8m x 0,6m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
17	Đỗ Khắc Hùng	1	Vũ Thị Thân	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,2m + 0,8m) x 2 x 0,6m + (0,7m + 0,6m x 2) x 0,7m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,3m x 0,9m x 0,1m + 0,6m x 0,7m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,3m + 0,9m) x 2 x 0,6m + (0,9m + 0,6m x 2) x (0,7m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,9m + 0,6m x 0,7m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
18	Đinh Thị Loan	2	Đỗ Khắc Thuyết; Đỗ Thị Thanh	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,2m + 0,8m) x 2 x 0,6m + (0,7m + 0,6m x 2) x 0,7m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,3m x 0,9m x 0,1m + 0,6m x 0,7m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
				Ốp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,3m + 0,9m) x 2 x 0,6m + (0,9m + 0,6m x 2) x (0,7m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,9m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Dán ngói mũi hài KT: (0,6m + 0,7m) x 2 x 0,5m	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
		1	Đỗ Thị Vĩ (Con chết trẻ)	Mộ đất có chủ đã cải tạo	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	7,000,000		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý	
19	Đỗ Thị Năm	1	Đỗ Khắc Tiến	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026	
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (1,1m + 0,9m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,1m + 0,9m) x 2 x 0,6m + (0,8m + 0,6m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,2m x 1,0m x 0,1m + 0,8m x 0,9m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 KT, DT: (1,1m + 1,0m) x 2 x 0,6m + (1,0m + 0,6m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,2m x 1,0m + 0,8m x 0,9m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81	
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ, DT: (1,1m + 1,0m) x 2 x 0,6m + (1,0m + 0,6m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,2m x 1,0m + 0,8m x 0,9m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164	
20	Nguyễn Văn Giang	2	Khoa Thị Thọ; Nguyễn Văn An	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026	
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (1,5m + 0,6m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,5m + 0,6m) x 2 x 0,6m + (0,5m + 0,45m x 2) x 0,8m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,6m x 0,7m x 0,1m + 0,8m x 0,7m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,6m + 0,7m) x 2 x 0,6m + (0,7m + 0,45m x 2) x (0,8m x 2 + 0,11m) + 1,6m x 0,7m + 0,8m x 0,7m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109	
21	Đỗ Khắc Tâm	2	Đỗ Thị Bích Đỗ Khắc Quát	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026	
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (1,4m +0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, DT: ((1,4m +0,8m) x 2 x 0,5m + (0,7m + 0,5m x 2) x 0,5m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 KT, DT: (1,5m +0,9m) x 2 x 0,5m + (0,7m + 0,5m x 2) x (0,5m x 2 + 0,11m) + 0,9m x 0,9m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81	
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,5m x 0,9m x 0,1m+ 0,9m x 0,9m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ, DT: (1,5m +0,9m) x 2 x 0,5m + (0,7m + 0,5m x 2) x (0,5m x 2 + 0,11m)	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164	
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: 1,5m x 0,9m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109	
22	Đỗ Trọng Tập	3	Đỗ Trang Mật; Trương Thị Giới; Lê Thị Nhẫn	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026	
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (1,8m + 0,9m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,8m + 0,9m) x 2 x 0,6m + (0,8m + 0,6m x 2) x 0,7m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: 1,9m x 1,0m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,9m + 1,0m) x 2 x 0,6m + ((0,8m + 0,6m x 2) x 0,7m x 2 + 0,11m) + 1,9m x 1,0m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?	#NAME?		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109	
				Bê tông tấm đan mác 200 mái KT: 3m x 0,9m x 0,7m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
				Dán ngói mũi hài KT: (3m + 2m) x 0,9m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214	
		2	Đỗ Thị Xuyên; Nguyễn Thị Lai	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026	
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (1,8m + 0,7m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,8m + 0,7m) x 2 x 0,6m + (0,6m + 0,6m x 2) x 0,8m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,9m x 0,8m x 0,1m + 0,9m x 0,7m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,9m + 0,8m) x 2 x 0,6m + (0,8m + 0,6m x 2) x (0,8m x 2 + 0,11m) + 1,9m x 0,8m + 0,9m x 0,7m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109	

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
23	Đỗ Đức Nghiêm	1	Đỗ Đắc Khả	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,6m +0,95m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, DT: ((1,6m +0,95m) x 2 x 0,6m + (0,85m + 0,6m x 2) x 0,8m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,7m +1,05m) x 2 x 0,6m + (0,85m + 0,6m x 2) x (0,8m x 2 + 0,11m) + 1,7m x 1,05m + 0,8m x 0,8m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,7m x 1,05m x 0,1m + 0,8m x 0,8m x 0,5m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
		1	Lê Trọng Giao	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,5m + 0,7m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,5m + 0,7m) x 2 x 0,6m + (0,6m + 0,45m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,6m + 0,8m) x 2 x 0,6m + (0,6m + 0,45m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,6m x 0,8m + 0,8m x 0,7m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,6m x 0,8m x 0,1m + 0,8m x 0,7m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
24	Đỗ Thị Hiền	1	Lê Văn Biên	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,5m +1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,5m +1,0m) x 2 x 0,6m + (0,9m + 0,6m x 2) x 0,9m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 KT, DT: (1,6m +1,1m) x 2 x 0,6m + (0,9m + 0,6m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,6m x 1,1m + 0,8m x 0,8m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ, DT: (1,6m +1,1m) x 2 x 0,6m + (0,9m + 0,6m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,6m x 1,1m + 0,8m x 0,8m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,6m x 1,1m x 0,1m + 0,8m x 0,8m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
25	Đỗ Quang Hiệu	3	Đỗ Quang Mạc; Đỗ Quang Trung; Đỗ Thị Giới	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,5m +1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,5m +1,0m) x 2 x 0,5m + (0,9m + 0,6m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,6m +1,1m) x 2 x 0,5m + (0,9m + 0,6m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,6m x 1,1m + 1,1m x 0,8m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,6m x 1,1m x 0,1m + 1,1m x 0,8m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
26	Đỗ Chí Hiệu	2	Đỗ Trang Trù; Đỗ Thị Đàng	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,4m + 0,9m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, DT: ((1,4m + 0,9m) x 2 x 0,6m + (0,8m + 0,6m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,5m + 1,0m) x 2 x 0,6m + (1,0m + 0,6m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,5m x 1,0m + 1m x 0,7m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,5m x 1,0m x 0,1m + 1m x 0,7m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,1m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,1m + 0,8m) x 2 x 0,5m + (0,7m + 0,5m x 2) x 0,5m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
		1	Lê Văn Biên	Trát tường ngoài vữa XM mác 50 KT, DT: (1,2m + 0,9m) x 2 x 0,5m + (0,9m + 0,5m x 2) x (0,5m x 2 + 0,11m) + 1,2m x 0,9m + 1,0m x 0,7m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?	#NAME?		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ, DT: (1,2m + 0,9m) x 2 x 0,5m + (0,9m + 0,5m x 2) x (0,5m x 2 + 0,11m) + 1,2m x 0,9m + 1,0m x 0,7m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,2m x 0,9m x 0,1m + 1,0m x 0,7m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
27	Trương Thị Thu	1	Đỗ Đắc Cường	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,4m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,4m + 0,8m) x 2 x 0,5m + (0,7m + 0,5m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: 1,5m x 0,9m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Ốp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,5m + 0,9m) x 2 x 0,5m + (0,9m + 0,5m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) +1,5m x 0,9m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
28	Đỗ Khắc Nam	1	Đỗ Thị Sen	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,2m + 0,6m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,2m + 0,6m) x 2 x 0,5m + (0,5m + 0,45m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 KT, DT: (1,3m + 0,7m) x 2 x 0,5m + (0,7m + 0,45m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,7m + 1,1m x 0,8m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,3m + 0,7m) x 2 x 0,5m + (0,7m + 0,45m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,7m + 1,1m x 0,8m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,3m x 0,7m x 0,1m + 1,1m x 0,8m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
29	Đỗ Đắc Phước	1	Đỗ Đắc Đô	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,4m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,4m + 0,8m) x 2 x 0,5m + (0,7m + 0,5m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 KT DT: (1,5m + 0,9m) x 2 x 0,5m + (0,9m + 0,5m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,5m x 0,9m + 0,8m x 0,8m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,5m + 0,9m) x 2 x 0,5m + (0,9m + 0,5m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,5m x 0,9m + 0,8m x 0,8m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,5m x 0,9m x 0,1m + 0,8m x 0,8m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
		3	Đỗ Thị Thắng, Đỗ Đắc Hồ, Độ Thị Hạp	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,2m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,2m + 1,0m) x 2 x 0,7m + (0,9m + 0,6m x 2) x 1,0m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ốp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,3m + 1,1m) x 2 x 0,7m + (1,1m + 0,6m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 1,1m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Dán ngói mũi hài, KT: (1,3m + 1,7m + 1,3m + 1m) x 0,8m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,3m x 1,1m x 0,1m + (1,3m x 1,7m x 0,2m +1,3 x 1m x 0,2m) x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây tường gạch chỉ phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: (1,3m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,949,168	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,4m + 1,1m) x 2 x 0,6m + (1,0m + 0,6m x 2) x 0,7m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
30	Đỗ Đình Hùng	2	Đoàn Thị Canh; Đỗ Đình Mỹ	Trát tường ngoài vữa XM mác 50 KT, DT: (1,5m + 1,2m) x 2 x 0,6m + (1,2m + 0,6m x 2) x (0,7m x 2 + 0,11m) + 1,5m x 1,2m + 0,8m x 0,8m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?	#NAME?	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,5m + 1,2m) x 2 x 0,6m + (1,2m + 0,6m x 2) x (0,7m x 2 + 0,11m)	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
				Ôp đá Granit tự nhiên vào tường, sử dụng keo dán, DT: 1,5m x 1,2m	m²	#####	1,707,081	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 114
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,5m x 1,2m x 0,1m + 0,8m x 0,8m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
31	Đỗ Hữu Cường	3	Đoàn Thị Mưu; Đỗ Như Thắm; Cự Lý	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,2m + 0,8m) x 2 x 0,5m + (0,7m + 0,6m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: 1,3m x 0,9m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 KT, DT: (1,3m + 0,9m) x 2 x 0,5m + (0,9m + 0,6m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,9m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,3m + 0,9m) x 2 x 0,5m + (0,9m + 0,6m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,9m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
		2	Đỗ Như Toàn; Cự Sâm	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,5m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,5m + 1,0m) x 2 x 0,5m + (0,9m + 0,6m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,5m + 1,1m) x 2 x 0,5m + (0,9m + 0,6m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,5m x 1,1m + 1,1m x 0,8m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,5m x 1,1m x 0,1m + 1,1m x 0,8m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
32	Đỗ Quang Thắng	1	Đỗ Thị Dương	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,1m + 0,7m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,1m + 0,7m) x 2 x 0,4m + (0,6m + 0,45m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 0,4m + (0,8m + 0,45m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,2m x 0,8m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
33	Đỗ Thị Chính	1	Đỗ Thị Lễ	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,2m + 0,8m) x 2 x 0,6m + (0,7m + 0,6m x 2) x 0,7m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 KT, DT: (1,3m + 0,9m) x 2 x 0,6m + (0,9m + 0,6m x 2) x (0,7m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,9m + 0,6m x 0,7m + 0,9m x 0,6m +1,6m x 0,4m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,3m + 0,9m) x 2 x 0,6m + (0,9m + 0,6m x 2) x (0,7m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,9m + 0,6m x 0,7m + 0,9m x 0,6m +1,6m x 0,4m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
				Dán ngói mũi hài KT: (1,6m + 2,0m) x 0,6m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,3m x 0,9m x 0,1m + 0,9m x 0,6m x 0,2m + 1,6m x 0,4m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000			#NAME?
		Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,3m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11				
		Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,3m + 1,0m) x 2 x 0,6m + (0,9m + 0,6m x 2) x 0,9m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15				
		Trát tường ngoài vữa XM mác 50 KT, DT: (1,4m + 1,1m) x 2 x 0,6m + (1,1m + 0,6m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,4m x 1,1m + 2,8m x 0,5m + 1,4m x 1,1m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81				
		Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,4m + 1,1m) x 2 x 0,6m + (1,1m + 0,6m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,4m x 1,1m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164				
		Dán ngói mũi hài KT: (2,8m + 2m) x 0,5m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214				
		Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,4m x 1,1m x 0,1m + 2,8m x 0,5m x 0,2m + 1,4m x 1,1m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53				
		1	Đỗ Thị Tấn	Mộ đất có chủ đã cải tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	7,000,000		
		34	Đỗ Chi Sùng	8	8 ngôi	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1		7,000,000
Xây tường gạch chỉ phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: (1,8m + 1,3m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³					#####	1,949,168	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19		
Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, DT: ((1,9m + 1,4m) x 2 x 0,6m + (1,3m x 0,8m x 2) x 0,9m) x 0,11m	m³					#####	2,165,333	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15		
Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: 2,0m x 1,5m x 0,1m	m³					#####	3,000,140	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53		
Trát tường ngoài vữa XM mác 50 KT, DT: (2,0m + 1,5m) x 2 x 0,6m + (1,5m x 0,8m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 2m x 1,5m	m²					#####	122,264	1.011	#NAME?	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81	
Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT DT: (2,0m + 1,5m) x 2 x 0,6m + (1,5m x 0,8m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 2m x 1,5m	m²					#####	126,825	1.011	#NAME?		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164	
Ôp đá Granit tự nhiên vào tường, sử dụng keo dán (lăng đá, trụ đá, bát nhang) DT: (1,2m +1,8m) x 3,2m x 2 + 1,2m x 1,8m + 0,3m x 1,5m + 0,6m x 0,9m	m²					#####	1,707,081	1.011	#NAME?		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 114	
Lát nền, sàn bằng gạch Ceramic 500x500mm, KT : 15m x 8m+1m x 10m	m²					#####	359,110		#NAME?		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 128	
Xây tường bê hóa bằng gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (0,59m + 0,5m) x 2 x 0,5m	m³					#####	2,165,333	1.011	#NAME?	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
Bê tông tấm đan mác 200 KT: 0,69m x 0,6m x 0,1m	m³					#####	3,000,140	1.011	#NAME?		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 KT, DT: (0,69m + 0,6m) x 2 x 0,5m + 0,69 x 0,6m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
		12	12 ngôi	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chi, mác vữa TH M50 KT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,2m + 0,8m) x 2 x 0,6m + (0,7m + 0,5m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ốp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,3m + 0,9m) x 2 x 0,6m + (0,9m + 0,5m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 0,9m x 0,8m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Dán ngói mũi hài KT: (0,5m + 0,9m) x 0,4m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,3m x 0,9m x 0,1m + 0,9 x 0,8m x 0,1m + 0,5m x 0,9m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý	
35	Đỗ Khắc Nam	1		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026	
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,2m + 0,8m) x 2 x 0,6m + (0,7m + 0,5m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Ôp đá Granit tự nhiên vào tường, sử dụng keo dán, DT: (1,3m + 0,9m) x 2 x 0,6m + (0,9m + 0,5m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,9m	m²	#####	1,707,081	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 114	
				Dán ngói mũi hài KT: (0,5m + 0,9m) x 0,4m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214	
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,3m x 0,9m x 0,1m + 0,5m x 0,9m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
		2	2 mộ	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11	
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,4m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,4m + 0,8m) x 2 x 0,6m + (0,7m + 0,6m x 2) x 0,9m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,5m + 0,9m) x 2 x 0,6m + (0,9m + 0,6m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,5m x 0,9m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109	
				Dán ngói mũi hài KT: (0,8m + 1,0m) x 0,6m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214	
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,5m x 0,9m x 0,1m + 1,0m x 0,8m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
													Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
		2	2 mộ	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11	
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,9m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,9m + 0,8m) x 2 x 0,7m + (0,7m + 0,5m x 2) x 1,1m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (2,0m + 0,9m) x 2 x 0,7m + (0,9m + 0,5m x 2) x (1,1m x 2 + 0,11m) + 2,0m x 0,9m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109	
				Dán ngói mũi hài KT: (1,2m + 2,5m) x 0,6m x 2 + (1,5m + 1m) x 0,6m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214	
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 2,0m x 0,9m x 0,1m x 2 + 1,2m x 2,5m x 0,2m x 2 + 1,5m x 1m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
													Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
		2	2 ngôi	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11	
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,2m + 0,6m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,2m + 0,6m) x 2 x 0,7m + (0,5m + 0,7m x 2) x 1,0m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: 1,3m x 0,7m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,3m + 0,7m) x 2 x 0,7m + (0,7m + 0,7m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,7m	m²			#####	478,888	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109					
									Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026				
									Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11				
2	2 ngôi	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15			
		Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,5m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15			
		Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,5m + 1,0m) x 2 x 0,8m + (0,9m + 0,5m x 2) x 1,5m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53			
		Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: 1,6m x 1,1m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 114			
		Ôp đá Granit tự nhiên vào tường, sử dụng keo dán, DT: (1,6m + 1,1m) x 2 x 0,8m + (1,1m + 0,5m x 2) x (1,5m x 2 + 0,11m) + 1,6m x 1,1m	m²	#####	1,707,081	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 114			
											Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15		
											Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15		
	Cây hương	Xây tường gạch chỉ phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: (0,7m + 0,7m) x 2 x 0,6m x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?	#NAME?		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15			
		Xây tường gạch chỉ, chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: (0,7m + 0,7m) x 2 x 1,1m x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15			

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
			Cây hương	Trát tường ngoài vữa XM mác 50, DT: (0,8m + 0,8m) x 2 x 1,1m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?	#NAME?		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,5m x 1,8m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
			Cây hương đá	Xây tường âm gạch chỉ phần âm chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (0,8m + 0,65) x 2 x 0,6m x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?	#NAME?		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (0,8m + 0,65) x 2 x 1,0m x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Óp đá Granit tự nhiên vào tường, sử dụng keo dán DT: (0,9m + 0,75m) x 2 x 1,0m + 0,9m x 0,75m	m²	#####	1,707,081	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 114
				Xây tường gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 (Tường rào)	m³	23.32	2,165,333	0	0			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông nền BT mác 200 (sân)	m³	36.00	2,309,664	0	0			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 51
	Lát nền, sàn bằng gạch Ceramic 500x500mm: KT : 15*8+1*10	m²		100.00	359,110	0	0		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 128			
36	Lê Văn Hào	1		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	2.00	7,000,000	1	14,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây tường gạch chỉ phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (1,9m + 1,6m) x 2 x 1,2m x 0,22m x 2	m³	#####	1,949,168	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19
				Xây tường gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((2,0m + 1,7m) x 2 x 0,8m + (0,8m + 2,1m x 2) x 1,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Óp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (2,1m x 1,8m) x 2 x 0,8m + (0,8m + 2,1m x 2) x (1,6m x 2 + 0,11m) + 2,1m x 1,8m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 2,1m x 1,0m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
		1		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây tường gạch chỉ phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: (1,2m + 0,9m) x 2 x 1,2m x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,2m + 0,9m) x 2 x 0,8m + (0,8m + 0,6m x 2) x 1,1m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50, DT: (1,3m + 1,0m) x 2 x 0,8m + (1,0m + 0,6m x 2) x (1,1m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 1,0m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,3m + 1,0m) x 2 x 0,8m + (1,0m + 0,6m x 2) x (1,1m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 1,0m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,3m x 1,0m x 0,1m x 2 + 1m x 0,6m x 0,2m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Lát sân nền, sàn bằng gạch Ceramic 500x500mm, KT : 15m x 8m + 1m x 10m	m²	#####	359,110	0	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 128
37	Đỗ Đắc Phúc		4 ngôi mộ đá nguyên khối	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (1,7m + 0,9m) x 2 x 0,6m x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (1,7m + 0,9m) x 2 x 0,9m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Óp đá Granit tự nhiên vào tường, sử dụng keo dán (thân mộ) DT: (1,8m + 1m) x 2 x 0,9m + 1,8m x 1m	m²	#####	1,707,081	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 114
				Óp đá Granit tự nhiên vào tường, sử dụng keo dán (bia mộ); DT: 0,75*0,65	m²	#####	1,707,081	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 114
				Óp đá Granit tự nhiên vào tường, sử dụng keo dán (cột mộ); DT: 0,65* phi 0,15	m²	0.15	1,707,081	1.011	264,186			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 114
				Óp đá Granit tự nhiên vào tường, sử dụng keo dán (mái); DT: 1*1*0,8	m³	#####	1,707,081	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 114
		2	2 ngôi	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây tường phần âm gạch chỉ, chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (2,0m + 1,9m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,949,168	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((2,0m + 1,9m) x 2 x 0,7m + (0,7m + 0,7m x 2) x 0,9m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Óp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (2,1m + 2,0m) x 2 x 0,7m + (0,9m + 0,7m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 2,1m x 2,0m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
				Dán ngói mũi hài KT: (1,3m + 1,3m) x 0,6m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 2,1m x 2,0m x 0,1m x 2 + 1,3m x 1,3m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
38	Trương Quý Xuân	1	Đỗ Thị Hịu	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây tường phần âm gạch chỉ, chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (2,4m + 1,4m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,949,168	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((2,4m + 1,4m) x 2 x 0,5m + (1,3m + 1m x 2) x 1m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: (2,5m + 1,5m) x 2 x 0,5m + (1,5m + 1m x 2) x (1m x 2 + 0,11m) + 2,5m x 1,5m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bà 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (2,5m + 1,5m) x 2 x 0,5m + (1,5m + 1m x 2) x (1m x 2 + 0,11m) + 2,5m x 1,5m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 2,5m x 1,5m x 0,1m x 2 + 1,5m x 1m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
39	Đỗ Hữu Bình	1		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,2m + 0,5m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,2m + 0,5m) x 2 x 0,6m + (0,4m + 0,6m x 2) x 1,3m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: 1,3m x 0,6m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,3m + 0,6m) x 2 x 0,6m + (0,6m + 0,6m x 2) x (1,3m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,6m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
40	Đỗ Văn Thao	1		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây tường phần âm gạch chỉ, chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (1,3m x 3,14) x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,949,168	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (1,4m x 3,14) x 1,0m x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: 1,5m x 3,14 x 1,0m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: 1,5m x 3,14 x 1,0m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
41	Đỗ Thị Diện	1		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,4m + 0,7m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT:((1,4m + 0,7m) x 2 x 0,8m + (0,4m + 0,65m x 2) x 0,85m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ốp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,5m + 0,8m) x 2 x 0,8m + (0,6m + 0,65m x 2) x (0,85m x 2 + 0,11m) + 1,5m x 0,8m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Dán ngói mũi hài KT: (0,7m + 0,7m) x 0,4m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,5m x 0,8m x 0,1m x 2 + 0,7m x 0,7m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
												Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
		1		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,5m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,5m + 1,0m) x 2 x 0,7m + (0,55m + 0,5m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: (1,6m + 1,1m) x 2 x 0,7m + (0,75m + 0,5m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) x 1,6m x 1,1m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,6m + 1,1m) x 2 x 0,7m + (0,75m + 0,5m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) x 1,6m x 1,1m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
42	Đỗ Thị Dung	3	3 ngôi	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,7m + 0,9m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,7m + 0,9m) x 2 x 0,6m + (0,8m + 0,9m x 2) x 1,0m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ốp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,8m + 1,0m) x 2 x 0,6m + (1,0m + 0,9m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 1,8m x 1,0m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Dán ngói mũi hài DT: (1,2m + 1,2m) x 0,6m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,8m x 1,0m x 0,1m x 2 + 0,7m x 0,7m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
												Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
		1		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19
				Xây tường gạch chỉ phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (3,0m + 2,1m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,949,168	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (3,1m + 2,2m) x 2 x 0,6m x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: 3,2m x 2,3m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Ốp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (3,2m + 2,3m) x 2 x 0,6m + 3,2m x 2,3m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
		4	4 ngôi	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (2,2m + 0,6m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((2,2m + 0,6m) x 2 x 1,0m + 0,6m x 1,3m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: 2,3m x 0,7m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
		2		Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (2,3m + 0,7m) x 2 x 1,0m + 0,7m x 1,3m + 2,3m x 0,7m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
			2 mộ	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chi, mác vừa TH M50 KT: (2,0m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((2,0m + 1,0m) x 2 x 0,8m + (0,8m + 0,6m x 2) x 1,3m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: 2,1m x 1,1m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (2,1m + 1,1m) x 2 x 0,8m + (1,0m + 0,6m x 2) x (1,3m x 2 + 0,11m) + 2,1m x 1,1m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
		1		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây tường gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25	m²	#####	2,165,333	0	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Lát nền gạch đất nung 300x300mm KT : 10m x 5m + 3m x 13m	m²	#####	212,588	0	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 143
43	Lê Thị Xuyên	1		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây tường gạch chỉ phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (2,0m + 1,1m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,949,168	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((2,1m + 1,2m) x 2 x 0,7m + (0,7m + 1,3m x 2) x 1,0m + (0,6m + 0,3m) x 2 x 0,5m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: (2,2m + 1,3m) x 2 x 0,7m + (0,9m + 1,3m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + (0,6m + 0,3m) x 2 x 0,5m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bà 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (2,2m + 1,3m) x 2 x 0,7m + (0,9m + 1,3m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + (0,6m + 0,3m) x 2 x 0,5m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 2,2m x 1,3m x 0,1m x 2 + 1,3m x 0,9m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Dán ngói mũi hài KT: (1,8m + 1,5m) x 0,9m x 2 + (1,5m + 1,3m) x 0,6m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Lát nền, sàn bằng gạch Granit 400x400mm KT: 4,5m x 3m + 17m x 1m	m²	#####	472,705	0	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 132
44	Đỗ Chí Tuấn	1		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây tường gạch chỉ phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (1,3m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,949,168	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,4m + 1,1m) x 2 x 0,8m + (1,0m + 0,6m x 2) x 1,3m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,5m x 1,2m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: (1,5m + 1,2m) x 2 x 0,8m + (1,2m + 0,6m x 2) x (1,3m x 2 + 0,11m) + 1,5m x 1,2m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bà 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,5m + 1,2m) x 2 x 0,8m + (1,2m + 0,6m x 2) x (1,3m x 2 + 0,11m) + 1,5m x 1,2m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
		1		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,1m + 0,7m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,1m + 0,7m) x 2 x 0,7m + (0,25m + 0,55m x 2) x 0,6m + (0,25m + 0,25m) x 2 x 0,2m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 0,7m + (0,45m + 0,55m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,2m x 0,8m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: 1,2m x 0,8m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
		1		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,2m + 0,8m) x 2 x 0,5m + (0,7m + 0,15m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,3m + 0,9m) x 2 x 0,5m + (0,9m + 0,15m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,9m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,3m x 0,9m x 0,1m + 0,9m x 0,3m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
45	Trần Thị Thom			Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000		#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý	
		1		Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,2m + 0,8m) x 2 x 0,8m + (0,35m + 0,45m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?	#NAME?		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,3m + 0,9m) x 2 x 0,8m + (0,55m + 0,45 x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) x 2 + 1,3m x 0,9m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109	
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: 1,3m x 0,9m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
		5	5 mộ	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026	
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (0,7m + 0,5m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((0,7m + 0,5m) x 2 x 0,4m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: 0,8m x 0,6m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: (0,8m + 0,6m) x 2 x 0,4m + 0,8m x 0,6m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81	
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (0,8m + 0,6m) x 2 x 0,4m + 0,8m x 0,6m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((0,5m + 0,5m) x 2 x 0,6m + (0,5m + 0,7m) x 2 x 0,8m) x 0,11m	m²	#####	2,165,333	1.011	#NAME?	#NAME?		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: (0,6m + 0,6m) x 2 x 0,6m + (0,6m + 0,8m) x 2 x 0,8m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81	
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 0,8m x 0,8m x 0,2 x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
46	Đỗ Đắc Chiến	2	2 mộ	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026	
				Xây tường gạch chỉ phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (1,4m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,949,168	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,5m + 1,1m) x 2 x 1,0m + (0,65m + 0,6m x 2) x 0,8m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,6m + 1,2m) x 2 x 1,0m + (0,85m + 0,60m x 2) x (0,8m x 2 + 0,11m) + 1,6m x 1,2m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109	
				Dán ngói mũi hài. DT: 0,5 m2	m²	0.50	698,196	1.011	352,938			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214	
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: 1,6m x 1,2m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
				Sân lát gạch ceramic 500x500mm	m²	#####	359,110	0	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 128	
				47	Đỗ Đắc Biện	1		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi			1.00	7,000,000
Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,1m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394					1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11			
Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,1m + 0,8m) x 2 x 1,2m + (0,7m + 0,7m x 2) x 0,7m + (0,4m + 0,5m) x 2 x 0,3m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333					1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15			
Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,2m + 0,9m) x 2 x 1,2m + (0,9m + 0,7m x 2) x (0,7m x 2 + 0,11m) + (0,5m + 0,6m) x 2 x 0,3m	m²	#####	478,888					1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109			
Dán ngói mũi hài KT: (0,9m + 1,2m) x 0,6m x 2 + (0,8m + 0,8m) x 0,5m x 2	m²	#####	698,196					1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214			
Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,2m x 0,9m x 0,1m + 1,2m x 0,9m x 0,2m x 2 + 0,8m x 0,8m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140					1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53			
48	Đỗ Đắc Xuân	1	Đỗ Thị Hán	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026	
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,6m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,6m + 1,0m) x 2 x 0,7m + (0,9m + 0,8m x 2) x 0,9m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: (1,7m + 1,1m) x 2 x 0,7m + (1,1m + 0,8 x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,7m x 1,1m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81	

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,7m + 1,1m) x 2 x 0,7m + (1,1m + 0,8 x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,7m x 1,1m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,7m x 1,1m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
49	Nguyễn Thị Đạo	2	Đỗ Thị Phấn; Vũ Đình Hán;	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chi, mác vừa TH M50 KT: (1,0m + 0,6m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vừa TH M25 KT: (1,0m + 0,6m) x 2 x 0,7m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,1m x 0,7m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Trát tường ngoài vừa XM mác 50 DT: (1,1m + 0,7m) x 2 x 0,7m + 1,1m x 0,7m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,1m + 0,7m) x 2 x 0,7m + 1,1m x 0,7m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
50	Trương Quý Đức	1	Đỗ Thị Hựu Mộ đại quan đào sâu chôn chặt không cải tiểu	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây tường gạch chi phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vừa TH M25 KT: (2,3m + 1,1m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,949,168	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19
				Xây tường mộ gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vừa TH M25 KT: ((2,4m + 1,2m) x 2 x 0,8m + (1,1m + 0,5m x 2) x 1,1m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT:(2,5m + 1,3m) x 2 x 0,8m + (1,3m + 0,5m x 2) x (1,1mx 2 + 0,11m) + 2,5m x 1,3m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 2,5m x 1,3m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
51	Đỗ Đắc Hùng	1	Hiệu Diệu Lai	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,3m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,3m + 1,0m) x 2 x 0,6m + (0,8m + 1,1m x 2) x 1,1m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,4m + 1,1m) x 2 x 0,6m + (1,0m + 1,1m x 2) x (1,1m x 2 + 0,11m) + 1,4m x 1,1m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,4m x 1,1m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
52	Hoàng Thị Khán	1	Đỗ Văn Dối	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,0m + 0,6m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,0m + 0,6m) x 2 x 0,6m + (2,3m + 0,6m) x 2 x 1,2m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,1m + 0,7m) x 2 x 0,6m + (2,4m + 0,7m) x 2 x 1,2m x 0,11m + 1,1m x 0,7m + 2,4m x 0,7m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Dán ngói mũi hài KT: (2,9m + 2,9m) x 1,2m x 2 + (1,6m + 1,6m) x 0,8m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông cột BT mác 200 KT: 0,1m x 0,1m x 3,14 x 2m x 4 + 0,15m x 0,15m x 3,14 x 2m x 4	m³	#####	3,226,656	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 47
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,1m x 0,7m x 0,1m + 2,9m x 2,9m x 0,3m x 2 + 1,6m x 1,6m x 0,3m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Sân lát gạch ceramic 500x500mm DT: 2,9m x 1,6m	m²	#####	359,110	0	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 128
				Xây tường gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 (Tường rào)	m²	1.76	2,165,333	0	0			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
53	Đỗ Hữu Lâm	2	Đỗ Hữu Thịnh; Đỗ Hữu Chuẩn	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây tường gạch chỉ phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (1,9m + 1,1m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,949,168	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((2,0m + 1,2m) x 2 x 0,8m + (1,0m + 0,8m x 2) x 1,2m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (2,1m + 1,3m) x 2 x 0,8m + (1,2m + 0,8m x 2) x (1,2m x 2 + 0,11m) + 2,1m x 1,3m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 2,1m x 1,3m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
54	Tự Bộ Hương	1	Đỗ Thị Hào	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,4m + 0,9m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,4m + 0,9m) x 2 x 0,8m + (0,8m + 0,5m x 2) x 0,9m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,5m x 1,0m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Ôp đá Granit tự nhiên vào tường, sử dụng keo dán. DT: (1,5m x 1,0m) x 2 x 0,8m + (1,0m + 0,5m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,5m x 1,0m	m²	#####	1,707,081	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 114
		1	Đỗ Hữu Chung	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây tường gạch chỉ phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (1,0m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,949,168	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,1m + 1,1m) x 2 x 0,7m + (0,8m + 0,5m x 2) x 1,0m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp đá Granit tự nhiên vào tường, sử dụng keo dán. DT: (1,2m + 1,2m) x 2 x 0,7m + (1,0m + 0,5m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 1,2m x 1,2m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Dán ngói mũi hài KT: (1,2m + 1,2m) x 0,6m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,2m x 1,2m x 0,1m + 1,2m x 1,2m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
55	Lê Văn Lợi	2	Nguyễn Thị Thiều; Đỗ Đức Định	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiêu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chi, mác vữa TH M50 KT: (1,6m + 0,5m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,6m + 0,5m) x 2 x 0,8m + (0,4m + 0,8m x 2) x 0,9m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,7m + 0,6m) x 2 x 0,8m + (0,6m + 0,8m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,7m x 0,6m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Dán ngói mũi hài KT: (1,2m + 0,6m) x 0,6m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,7m x 0,6m x 0,1m + 1,2m x 0,6m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý	
56	Lê Thị Kim Dung	7	Lê Bá Quang; Đỗ Thị Hòa; Lê Bá Nghi; Đỗ thị Thục; Lê Bá Kha; Đỗ Thị Dói; Lê Thị Ngân	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026	
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,6m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,6m + 1,0m) x 2 x 0,7m + (0,8m + 0,6m x 2) x 1,3m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,7m + 1,1m) x 2 x 0,7m + (1,0m + 0,6m x 2) x (1,3m x 2 + 0,11m) + 1,7m x 1,1m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109	
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,7m x 1,1m x 0,1m + 0,9m x 0,6m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
				Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026									
		2	Tự Phúc Yên; Hiệu Diệu Tiến	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026	
				Xây tường gạch chỉ phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (2,3m + 1,2m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,949,168	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((2,4m + 1,3m) x 2 x 0,9m + (1,0m + 0,9m x 2) x 1,0m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (2,5m + 1,4m) x 2 x 0,9m + (1,2m + 0,9m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 2,5m x 1,4m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109	
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 2,5m x 1,4m x 0,1m + 1,2m x 1,0m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
				Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 51									
				Bê tông nền BT, mác 200 (Sân)	m²	180.00	2,309,664	0	0			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 51	
57	Vũ Thị Minh	3	3 ngôi	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026	
				Xây tường gạch chỉ phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: (2,2m + 1,1m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,949,168	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, DT: ((2,3m + 1,2m) x 2 x 0,5m + (0,8m + 0,5m x 2) x 1,0m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 2,4m x 1,3m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50, DT: (2,4m + 1,3m) x 2 x 0,5m + (1,0m + 0,5m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 2,4m x 1,3m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81	
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ, DT: (2,4m + 1,3m) x 2 x 0,5m + (1,0m + 0,5m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 2,4m x 1,3m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164	
		2	2 ngôi	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026	
				Xây tường gạch chỉ phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: (2,3m + 1,3m) x 2 x 1,2m x 0,2	m³	#####	1,949,168	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((2,4m + 1,4m) x 2 x 0,7m + (1,0m + 0,5m x 2) x 1,0m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 2,5m x 1,5m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50, DT: (2,5m + 1,5m) x 2 x 0,7m + (1,2m + 0,5m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 2,5m x 1,5m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81	
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ, DT: (2,5m + 1,5m) x 2 x 0,7m + (1,2m + 0,5m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 2,5m x 1,5m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164	
			Cây hương	Xây tường gạch chỉ phần âm chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (0,6m + 0,5m) x 2 x 0,6m x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?	#NAME?		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Xây tường gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (0,6m + 0,5m) x 2 x 0,6m x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 0,7m x 0,6m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: (0,7m + 0,6m) x 2 x 0,6m + 0,7m x 0,6m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81	
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (0,7m + 0,6m) x 2 x 0,6m + 0,7m x 0,6m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164	
												Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 51	
				Bê tông nền BT, mác 200 (Sân)	m²	10.00	2,309,664	0	0			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Xây tường gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 (Tường rào)	m²	5.50	2,165,333	0	0				

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
58	Nguyễn Đức Long	1		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,2m + 0,7m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,2m + 0,7m) x 2 x 0,6m + (0,3m + 0,65m x 2) x 0,8m + 1,9m x 2,0m + (1,5m + 1,2m) x 2 x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,3m + 0,8m) x 2 x 0,6m + (0,5m + 0,65m x 2) x (0,8m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,8m + 2,0m x 2,1m + 2,7m x 2,0m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: (1,6m + 1,3m) x 2 x 0,6m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,6m + 1,3m) x 2 x 0,6m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
				Dán ngói mũi hài KT: (3,0m + 2,5m) x 0,8m x 2 + (2,0m + 1,6m) x 0,6m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông cột BT mác 200 KT: 0,1m x 0,1m x 3,14 x 2m x 4 + 0,15m x 0,15m x 3,14 x 2m x 4	m³	#####	3,226,656	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 47
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 3,0m x 2,5m x 0,3m + 1,6m x 1,3m x 0,3m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Sân lát gạch ceramic 500x500mm DT: 1,3m x 17m + 8m x 6,5m	m²	#####	359,110	0	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 128
				Xây tường gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 (Tường rào)	m³	15.40	2,165,333	0	0			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Xây cột trụ gạch chỉ h ≤ 6m, vữa XM M50 (Trụ cổng 0,5*0,5*2)	m³	0.50	2,543,957	0	0			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 40
				59	Đỗ Khắc Hội	1		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi			1.00
Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,9m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394					1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11		
Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,9m + 1,0m) x 2 x 0,7m + (0,7m + 0,6m x 2) x 1,0m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333					1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15		
Bê tông tấm đan mác 200 KT: 2,0m x 1,1m x 0,1m	m³	#####	3,000,140					1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53		
Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (2,0m + 1,1m) x 2 x 0,7m + (0,9m + 0,6m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 2,0m x 1,1m	m²	#####	478,888					1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109		
1		Mộ đất đã có chủ cái tiểu	ngôi			1.00	7,000,000	1	7,000,000	7,000,000	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026	
		Sân lát gạch ceramic 500x500mm	m²			10.00	359,110	0	0	0	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 128	
		Xây tường gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 (Tường rào)	m³	4.51	2,165,333	0	0	0	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15			
60	Đỗ Khắc Khoa	2	2 mộ	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,8m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,8m + 1,0m) x 2 x 0,8m + (0,7m + 0,7m x 2) x 0,9m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,9m + 1,1m) x 2 x 0,8m + (0,9m + 0,7m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,9m x 1,1m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Dán ngói mũi hài KT: (1,1m + 1,1m) x 0,6m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,9m x 1,1m x 0,1m + 1,1m x 1,1m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000			#NAME?
		Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,8m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11				
		Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,8m + 1,0m) x 2 x 0,8m + (0,7m + 0,7m x 2) x 0,9m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15				
		Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: (1,9m + 1,1m) x 2 x 0,8m + (0,9m + 0,7m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,9m x 1,1m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81				

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,9m + 1,1m) x 2 x 0,8m + (0,9m + 0,7m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,9m x 1,1m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
				Dán ngói mũi hài KT: (1,1m +1,1m) x 0,6m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,9m x 1,1m x 0,1m + 1,1m x 1,1m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Sân lát gạch ceramic 500x500mm	m²	20.00	359,110	0	0	0	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 128	
61	Đỗ Xuân Dũng	4	4 mộ	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,5m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,5m + 1,0m) x 2 x 1,0m + (0,7m + 0,7m x 2) x 1,5m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,6m x 1,1m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,6m + 1,1m) x 2 x 1,0m + (0,9m + 0,7m x 2) x (1,5m x 2 + 0,11m) x 1,6m x 1,1m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
		1	1 mộ	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,5m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,5m + 1,0m) x 2 x 1,0m + (0,7m + 0,7m x 2) x 1,5m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,6m x 1,1m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: (1,6m + 1,1m) x 2 x 1,0m + (0,9m + 0,7m x 2) x (1,5m x 2 + 0,11m) x 1,6m x 1,1m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,6m + 1,1m) x 2 x 1,0m + (0,9m + 0,7m x 2) x (1,5m x 2 + 0,11m) x 1,6m x 1,1m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
		2	2 mộ	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	2.00	7,000,000	1	14,000,000	14,000,000		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Bê tông nền BT, mác 200 (Sân)	m²	80.00	2,309,664	0	0	0		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 51

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
62	Đỗ Bá Trọng	2	2 ngôi	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vừa TH M50 KT: (1,7m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vừa TH M25 KT: ((1,7m + 1,0m) x 2 x 0,7m + (0,75m + 0,8m x 2) x 0,9m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Trát tường ngoài vừa XM mác 50 DT: (1,8m + 1,1m) x 2 x 0,7m + (0,95m + 0,8m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,8m x 1,1m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,8m + 1,1m) x 2 x 0,7m + (0,95m + 0,8m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,8m x 1,1m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
				Dán ngói mũi hài KT: (1,0m + 1,2m) x 0,5m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,8m x 1,1m x 0,1m + 1,2m x 1,0m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
1	1 ngôi	Mộ đất có chủ đã cải tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	7,000,000			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026	
		Bê tông nền BT, mác 200 (Sân)	m²	10.00	2,309,664	0	0	0			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 51	
63	Lê Minh Đức	5	5 ngôi	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vừa TH M50 KT: (1,1m + 0,7m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vừa TH M25 KT: ((1,1m + 0,7m) x 2 x 0,9m + (0,4m + 0,4m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 0,9m + (0,6m + 0,4m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,2m x 0,8m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Dán ngói mũi hài KT: (0,6m + 0,7m) x 0,5m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,2m x 0,8m x 0,1m + 0,7m x 0,6m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				6	6 ngôi	Mộ đất đã có chủ đã cải tiểu	ngôi	6.00	7,000,000			1
		Bê tông nền BT, mác 200 (Sân)	m²	10.00	2,309,664	0	0	0			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 51	
64	Lê Thị Ngãi	1		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây tường gạch chỉ phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vừa TH M25 KT: (1,7m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,949,168	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vừa TH M25 KT: ((1,8m + 1,1m) x 2 x 0,7m + 1,1m x 1,0m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,9m x 1,2m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Trát tường ngoài vừa XM mác 50 DT: (1,9m + 1,2m) x 2 x 0,7m + 1,2m x 1,0m x 2	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,9m + 1,2m) x 2 x 0,7m + 1,2m x 1,0m x 2	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
				65	Ngô Thị Ôn	9	9 mộ	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi			1.00
Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vừa TH M50 KT: (1,5m + 0,9m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11						
Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vừa TH M25 KT: ((1,5m + 0,9m) x 2 x 0,8m + (0,7m + 0,6m x 2) x 1,2m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15						
Trát tường ngoài vừa XM mác 50 DT: (1,6m + 1,0m) x 2 x 0,8m + (0,9m + 0,6m x 2) x (1,2m x 2 + 0,11m) + 1,6m x 1,0m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81						
		Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,6m + 1,0m) x 2 x 0,8m + (0,9m + 0,6m x 2) x (1,2m x 2 + 0,11m) + 1,6m x 1,0m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164		
		Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,6m x 1,0m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53		
		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000					Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
66	Vũ Đình Hưng	3	3 mộ	Xây tường gạch chi phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (1,8m + 1,3m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,949,168	1.011	#NAME?	#NAME?	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19
				Xây tường mộ gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,9m + 1,4m) x 2 x 1,5m + (1,3m + 1,0m x 2) x 1,2m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 2,0m x 1,5m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (2,0m + 1,5m) x 2 x 1,5m + (1,5m + 1,0m x 2) x (1,2m x 2 + 0,11m) + 2,0m x 1,5m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Sân lát gạch ceramic 500x500mm	m²	16.00	359,110	0	0	0		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 128
				Bê tông nền BT, mác 200 (Sân)	m²	2.40	2,309,664	0	0	0		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 51

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
67	Vũ Đình Xuân	1		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây tường gạch chỉ phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (2,1m + 1,1m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,949,168	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((2,2m + 1,2m) x 2 x 0,6m + (1,0m + 0,7m x 2) x 0,9m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (2,3m + 1,3m) x 2 x 0,6m + (1,2m + 0,7m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 2,3m x 1,3m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Dán ngói mũi hài KT: (1,3m + 1,3m) x 0,6 x 2+ (0,7m+ 0,7m) x 0,5m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 2,3m x 1,3m x 0,1m + (1,3m x 1,3m x 0,2m + 0,7m + 0,7m x 0,2m) x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Sân lát gạch ceramic 500x500mm	m²	6.00	359,110	0	0			0
68	Đỗ Bá Lung	3	3 ngôi	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,7m + 0,9m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,7m + 0,9m) x 2 x 0,4m + (0,8m + 0,5m x 2) x 1,1m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: (1,8m + 1,0m) x 2 x 0,4m + (1,0m + 0,5m x 2) x (1,1m x 2 + 0,11m) + 1,8m x 1,0m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,8m + 1,0m) x 2 x 0,4m + (1,0m + 0,5m x 2) x (1,1m x 2 + 0,11m) + 1,8m x 1,0m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
				Dán ngói mũi hài KT: (1,2m + 0,7m) x 0,5m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,8m x 1,0m x 0,1m + 1,2m x 0,7m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
		2	2 mộ	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây tường gạch chỉ phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (1,8m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,949,168	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,9m + 1,1m) x 2 x 0,6m + (0,8m + 1,0m x 2) x 1,0m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: (2,0m + 1,2m) x 2 x 0,6m + (1,0m + 1,0m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 2,0m x 1,2m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (2,0m + 1,2m) x 2 x 0,6m + (1,0m + 1,0m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 2,0m x 1,2m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
				Dán ngói mũi hài KT: (1,4m + 1,4m) x 0,5m x 2 + (0,7m + 0,7m) x 0,6m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 2,0m x 1,2m x 0,1m x 2 + (1,4m x 1,4m + 0,7m x 0,7m) x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
		2	2 mộ	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,9m + 0,9m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,9m + 0,9m) x 2 x 0,5m + (0,8m + 0,8m x 2) x 0,9m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: (2,0m + 1,0m) x 2 x 0,5m + (1,0m + 0,8m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 2,0m x 1,0m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (2,0m + 1,0m) x 2 x 0,5m + (1,0m + 0,8m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 2,0m x 1,0m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
				Dán ngói mũi hài KT: (1,0m + 1,0m) x 0,5m x 2 + (0,6m + 0,6m) x 0,6m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 2,0m x 1,0m x 0,1m x 2 + (1,0m x 1,0m + 0,6m x 0,6m) x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
		2	2 mộ	Xây tường gạch chi phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (1,7m + 1,5m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,949,168	1.011	#NAME?	#NAME?		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19
				Xây tường mộ gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,8m + 1,6m) x 2 x 0,7m + 1,4m x 0,9m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: (1,9m + 1,7m) x 2 x 0,7m + 1,5m x 1,0m x 2	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,9m + 1,7m) x 2 x 0,7m + 1,5m x 1,0m x 2	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
				Dán ngói mũi hài KT: (1,8m + 1,8m) x 0,5m x 2 + (1,0m + 1,0m) x 0,5m x 2 + (0,7m + 0,7m) x 0,6m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,9m x 1,7m x 0,1m + (1,8m x 1,8m + 1,0m x 1,0m + 0,7m x 0,7m) x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
		6	6 ngôi	Mộ đất có chủ đã cải tiểu	ngôi	6.00	7,000,000	1	42,000,000	42,000,000		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Bê tông nền BT, mác 200 (Sân)	m³	12.00	2,309,664	0	0	0		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 51
69	Đỗ Bá Trung	1		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,7m + 0,9m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,7m + 0,9m) x 2 x 0,6m + (0,7m + 0,5m x2) x 0,9m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,8m + 1,0m) x 2 x 0,6m + (0,9m + 0,5m x2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,8m x 1,0m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Dán ngói mũi hài KT: (1,0m + 0,7m) x 0,4m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,8m x 1,0m x 0,1m + 1m x 0,7m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Sân lát gạch ceramic 400x400mm	m²	5.60	320,036	0	0	0		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 127
70	Đỗ Khắc Mạnh	1		Bê tông nền BT, mác 200 (Sân)	m³	8.80	2,309,664	0	0	0	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 51
				Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây tường gạch chỉ phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: (1,8m + 1,3m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,949,168	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 19
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,9m + 1,4m) x 2 x 0,6m + (0,5m + 1,7m x 2) x 1,0m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (2,0m + 1,5m) x 2 x 0,6m + (0,7m + 1,7m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 2,0m x 1,5m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 2,0m x 1,5m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
71	Đỗ Việt Hùng	1	Đỗ Văn Ba	Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,1m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,1m + 1,0m) x 2 x 0,9m + 0,9m x 0,9m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,2m + 1,1m) x 2 x 0,9m + 1,0m x 1,0m x 2 + 1,2m x 1,1m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Dán ngói mũi hài KT: (1,3m + 1,3m) x 0,8m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,2m x 1,1m x 0,1m + 1,3m x 1,3m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Mộ đất có chủ đã cải tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	7,000,000	7,000,000	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
73	Đỗ Chí Phấn	1	Đỗ Thị Kén	Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,2m + 0,8m) x 2 x 1,1m + (0,5m + 0,5m x 2) x 0,9m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,3m + 0,9m) x 2 x 1,1m + (0,7m + 0,5m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,9m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,3m x 0,9m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
												Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,7m + 0,6m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
74	Đỗ Bá Kiệm	1	Đỗ Hoàng Linh	Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,7m + 0,6m) x 2 x 1,0m + (0,5m + 0,5m x 2) x 0,8m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: (1,8m + 0,7m) x 2 x 1,0m + (0,7m + 0,5m x 2) x (0,8m x2 + 0,11m) + 1,8m x 0,7m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,8m + 0,7m) x 2 x 1,0m + (0,7m + 0,5m x 2) x (0,8m x2 + 0,11m) + 1,8m x 0,7m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
				Dán ngói mũi hài KT: (1,0m + 0,7m) x 0,4m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,8m x 0,7m x 0,1m + 1,0m x 0,7m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
75	Đỗ Danh Ty	1	Đỗ Thị Vĩnh	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,7m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,7m + 1,0m) x 2 x 0,4m + (0,7 + 0,9m x 2) x 1,0m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,8m + 1,1m) x 2 x 0,4m + (0,9 + 0,9m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 1,8m x 1,1m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Dán ngói mũi hài KT: (1,1m +1,1m) x 0,8m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,8m x 1,1m x 0,1m + 1,1m x 1,1m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
76	Đỗ Chí Chòn	2	Đỗ Chí Tắt, Đỗ Thị Mùi	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,3m + 0,7m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,3m + 0,7m) x 2 x 1,1m + (0,6m + 0,6m x 2) x 0,8m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,4m + 0,8m) x 2 x 1,1m + (0,8m + 0,6m x 2) x (0,8m x 2 + 0,11m) + 1,4m x 0,8m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,4m x 0,8m x 0,1m + 0,8m x 0,6m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Dán ngói mũi hài KT: (0,8m + 0,6m) x 0,7m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
77	Đỗ Trọng Phúc	1	Đỗ Trảng Cừ	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,1m + 0,7m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,1m + 0,7m) x 2 x 0,6m + (0,4m + 0,5m x 2) x 1m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 0,6m + (0,6m + 0,5m x 2) x (1m x 2 + 0,11m) + 1,2m x 0,8m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,2m x 0,8m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
		1	Đỗ Trảng Tích	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,5m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,5m + 1,0m) x 2 x 0,8m + (0,9m + 0,8m x 2) x 1,3m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,6m + 1,1m) x 2 x 0,8m + (1,1m + 0,8m x 2) x (1,3m x 2 + 0,11m) + 1,6m x 1,1m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,6m x 1,1m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
78	Đỗ Văn Tài	3	Lê Thị Huấn, Đỗ Văn Đương, Đỗ Văn Nghị	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,5m + 0,9m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,5m + 0,9m) x 2 x 0,6m + (0,8m + 0,4m x 2) x 0,8m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,6m x 1,0m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,6m + 1,0m) x 2 x 0,6m + (1,0m + 0,4m x 2) x (0,8m x 2 + 0,11) + 1,6m x 1,0m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
79	Đỗ Khắc Hà	1	Đỗ Thị Ngâm	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,2m + 0,7m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,2m + 0,7m) x 2 x 0,5m + 0,7m x 0,7m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý	
77	Đỗ Khắc Hà	1	Đỗ Thị Ngân	Ốp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,3m + 0,8m) x 2 x 0,5m + 0,8m x 0,8m x 2 + 1,3m x 0,8m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?	#NAME?	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109	
				Dán ngói mũi hài KT: (0,8m + 0,8m) x 0,8m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214	
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,3m x 0,8m x 0,1m + 0,8m x 0,8m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
80	Đỗ Thị Bé	1	Lâm Thị Lịch	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026	
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,1m + 0,7m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,1m + 0,7m) x 2 x 0,5m + (0,4m + 0,4m x 2) x 0,7m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Ốp đá Granit tự nhiên vào tường, sử dụng keo dán. DT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 0,5m + (0,6m + 0,4m x 2) x (0,7m x 2 + 0,11m) + 1,2m x 0,8m	m²	#####	1,707,081	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 114	
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,2m x 0,8m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
81	Đỗ Thị Linh	1	Đỗ Đắc Toán	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026	
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,2m + 0,8m) x 2 x 0,5m + (0,45m + 0,4m x 2) x 0,7m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,3m x 0,9m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
				Ốp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,3m + 0,9m) x 2 x 0,5m + (0,65m + 0,4m x 2) x (0,7m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,9m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109	
82	Đỗ Như Công	1	Đỗ Như Đĩnh	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026	
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,5m + 0,9m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,5m + 0,9m) x 2 x 0,7m + (0,6m + 0,6m x 2) x 1,0m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: (1,6m + 1,0m) x 2 x 0,7m + (0,8m + 0,6m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 1,6m x 1,0m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81	
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,6m + 1,0m) x 2 x 0,7m + (0,8m + 0,6m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 1,6m x 1,0m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164	
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,6m x 1,0m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
		1	Đỗ Đắc Diễm	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026	
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,2m + 0,8m) x 2 x 0,7m + (0,7m + 0,6m x 2) x 0,9m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
				Ốp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,3m + 0,9m) x 2 x 0,7m + (0,9m + 0,6m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,9m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109	
				Dán ngói mũi hài KT: (1,0m + 1,0m) x 0,6m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214	
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,3m x 0,9m x 0,1m + 1,0m x 1,0m x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53	
												Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026	
		1	Đỗ Đắc Tích	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11	
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (2,1m + 1,1m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11	
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((2,2m + 1,2m) x 2 x 0,8m + (0,6m + 0,8m x 2) x 1m + (0,5m + 0,5m) x 2 x 0,3m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15	
83	Đỗ Đắc Đồng	1	Đỗ Đắc Tích	Ốp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (2,3m + 1,3m) x 2 x 0,8m + (0,8m + 0,8m x 2) x (1m x 2 + 0,11m) + 2,3m x 1,3m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109	

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
84	Đỗ Đắc Đôn			Dán ngói mũi hài KT: (1,2m + 1,2m) x 0,4m x 2 + (0,6m + 0,6m) x 0,3m x 2	m²	#####	698,196	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 2,3m x 1,3m x 0,1m + (1,2m x 1,2m + 0,6m x 0,6m) x 0,2m x 2	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
		1	Đỗ Thị Dự	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,2m + 0,8m) x 2 x 0,6m + (0,6m + 0,6m x 2) x 1,2m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,3m + 0,9m) x 2 x 0,6m + (0,8m + 0,6m x 2) x (1,2m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,9m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,3m x 0,9m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				2	Tự Phúc Khóa, Hiệu Diệu Hội	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000			1
		Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,5m + 0,5m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³			#####	1,805,394	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11		
		Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,5m + 0,5m) x 2 x 0,9m + (0,4m + 0,6m x 2) x 0,85m) x 0,11m	m³			#####	2,165,333	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15		
		Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,5m + 0,5m) x 2 x 0,9m + (0,4m + 0,6m x 2) x (0,85m x 2 + 0,11m) + 1,6m x 0,6m	m²			#####	478,888	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109		
		Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,6m x 0,6m x 0,1m	m³			1.08	3,000,140	1.011	3,268,659	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53		
		1	Đỗ Đắc Tâm			Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1		7,000,000
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,2m + 0,7m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11		
Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,2m + 0,7m) x 2 x 0,9m + (0,4m + 0,5m x 2) x 0,9m) x 0,11m	m³			#####	2,165,333	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15				
Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,3m x 0,8m x 0,1m	m³			#####	3,000,140	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53				
Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,3m + 0,8m) x 2 x 0,9m + (0,6m + 0,5m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,8m	m²			#####	478,888	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109				
85	Phạm Thị Lụy			1	Đỗ Bá Tiu	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?
		Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,5m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³			#####	1,805,394	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11		
		Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,5m + 0,8m) x 2 x 0,65m + (0,5m + 0,6m x 2) x 1,5m) x 0,11m	m³			#####	2,165,333	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15		
		Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,6m + 0,9m) x 2 x 0,65m + (0,7m + 0,6m x 2) x (1,5m x 2 + 0,11m) x 1,6m x 0,9m	m²			#####	478,888	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109		
		Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,6m x 0,9m x 0,1m	m³			#####	3,000,140	1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53		
		86	Đỗ Đắc Định			2	Đỗ Đắc Lực, Vũ Thị Còn	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	
Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³			#####	1,805,394			1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11		
Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,2m + 0,8m) x 2 x 0,6m + (0,7m + 0,5m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³			#####	2,165,333			1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15		
Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,3m + 0,9m) x 2 x 0,6m + (0,9m + 0,5m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,9m	m²			#####	478,888			1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109		
Dán ngói mũi hài KT: (0,9m + 0,5m) x 0,5m x 2	m²			#####	698,196			1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 214		
Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,3m x 0,9m x 0,1m + 0,9m x 0,5m x 0,2m x 2	m³			#####	3,000,140			1.011	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53		
87	Nguyễn Văn Ánh (Lựu)	1		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	7,000,000	7,000,000	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
88	Nguyễn Thị Thọ	1	Đỗ Chí Trán	Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mức vữa TH M50 KT: (2,7m + 1,5m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?	#NAME?	#NAME?	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((2,8m + 1,6m) x 2 x 0,7m + (1,3m + 1,1m x 2) x 2,2m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (2,9m + 1,7m) x 2 x 0,7m + (1,5m + 1,1m x 2) x (2,2m x 2 + 0,11m) + 2,9m x 1,7m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Bê tông tấm đan mức 200 KT: 2,9m x 1,7m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
89	Đỗ Đắc Báu	2	Đỗ Đắc Thắm; Đỗ Thị Mùn	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mức vữa TH M50 KT: (1,5m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,5m + 0,8m) x 2 x 0,7m + (0,5m + 1,2m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mức 200 KT: 1,6mx 0,9m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Trát tường ngoài vữa XM mức 50 DT: (1,6m + 0,9m) x 2 x 0,7m + (0,7m + 1,2m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,6m x 0,9m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,6m + 0,9m) x 2 x 0,7m + (0,7m + 1,2m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,6m x 0,9m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
90	Đỗ Thị Thênh	1		Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mức vữa TH M50 KT: (1,4m + 0,9m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,4m + 0,9m) x 2 x 0,8m + 0,8m x 1,0m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mức 200 KT: 1,5mx 1,0m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,5m + 1,0m) x 2 x 0,8m + 0,8m x 1,0m x 2 + 1,5m x 1,0m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
91	Đỗ Đắc Dự	1	Đỗ Đắc Khả	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mức vữa TH M50 KT: (1,5m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,5m + 1,0m) x 2 x 1,0m + 0,9m x 1,5m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,6m + 1,1m) x 2 x 1,0m + 0,9m x 1,5m x 2 + 1,6m x 1,1m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 109
				Bê tông tấm đan mức 200 KT: 1,6m x 1,1m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 53
92	Đỗ Hữu Thu Túy	2	Đỗ Hữu Thỹ; Lê Thị Mễ	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mức vữa TH M50 KT: (1,4m + 0,7m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,4m + 0,7m) x 2 x 0,6m + 0,6m x 1,0m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 15
				Bê tông tấm đan mức 200 KT: 1,6m x 1,1m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2044
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,5m + 0,8m) x 2 x 0,6m + 0,8m x 1,0m x 2 + 1,5m x 0,8m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2048
93	Nguyễn Thị Kim	3	Tự Phúc Xuyên; Hiệu Diệu Điền; Bá Thị Quýt	Mộ đất có chủ đã cải tiểu	ngôi	3.00	7,000,000	1	21,000,000	21,000,000	21,000,000	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
94	Đỗ Thị Tinh	2	Hiệu Diệu Lộc; Bùi Thị Thịnh	Mộ đất có chủ đã cải tiểu	ngôi	2.00	7,000,000	1	14,000,000	14,000,000	14,000,000	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
95	Nguyễn Thị Dục	3	Đỗ chí Nhạc; Đỗ thị Thành; Đỗ Thị Tấn;	Mộ đất có chủ đã cải tiểu	ngôi	3.00	7,000,000	1	21,000,000	21,000,000	21,000,000	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
96	Đỗ Chí Chính	3	Đỗ Chí Mùi; Nguyễn Văn Huệ Đỗ Chí Trai	Mộ đất có chủ đã cải tiểu	ngôi	3.00	7,000,000	1	21,000,000	21,000,000	21,000,000	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026

TT	Họ và tên người đại diện		Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)	Căn cứ pháp lý
97	Đỗ Thị Chiến(Biến)	2	Đỗ Khắc Hòa; Đỗ Thị Hệt	Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,8m + 0,7m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2053
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,8m + 0,7m) x 2 x 0,7m + (0,6m + 0,7m x 2) x 1,3m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2054
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,9m x 0,8m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2044
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,9m + 0,8m) x 2 x 0,7m + (0,8m + 0,7m x 2) x (1,3m x 2 + 0,11m) + 1,9m x 0,8m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2055
98	Lê Trọng Bình (Thêm)	1	Đỗ Văn Nhĩ	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,6m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2053
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,7m + 1,1m) x 2 x 1,3m + (1,0m + 0,7m x 2) x 1,7m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2054
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,8m x 1,2m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2044
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,8m + 1,2m) x 2 x 1,3m + (1,0m + 0,7m x 2) x (1,7m x 2 + 0,11m) + 1,8m x 1,2m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2055
99	Đỗ Quang Thành	2	Lê Thị Tý; Đỗ Quang Minh	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,5m + 1,3m) x 2 x 1,5m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2053
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,6m + 1,4m) x 2 x 1,0m + (1,3m + 1,0m x 2) x 1,0m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2054
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,7m x 1,5m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2044
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,7m + 1,5m) x 2 x 1,0m + (1,5m + 1,0m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 1,7m x 1,5m	m²	#####	478,888	1.011	#NAME?			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2055
100	Đỗ Văn Dũng	5	5 ngôi	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?	#NAME?	Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,4m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2053
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,5m + 1,1m) x 2 x 0,9m + (0,5m + 0,5m x 2) x 1,1m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2054
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,6m x 1,2m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2044
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: (1,6m + 1,2m) x 2 x 0,9m + (0,7m + 0,5m x 2) x (1,1m x 2 + 0,11m) + 1,6m x 1,2m	m²	#####	122,264	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 81
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,6m + 1,2m) x 2 x 0,9m + (0,7m + 0,5m x 2) x (1,1m x 2 + 0,11m) + 1,6m x 1,2m	m²	#####	126,825	1.011	#NAME?			Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: VI. Công tác hoàn thiện - STT 164
		2	2 ngôi	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	#NAME?		Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,0m + 0,65m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	#####	1,805,394	1.011	#NAME?			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2053
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,0m + 0,65m) x 2 x 0,6m + (0,55m + 0,5m x 2) x 0,8m) x 0,11m	m³	#####	2,165,333	1.011	#NAME?			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2054
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,1m x 0,75m x 0,1m	m³	#####	3,000,140	1.011	#NAME?			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2044
				Trát granitô tường vữa XM mác 75 KT: (1,1m + 0,75m) x 2 x 0,6m + (0,75m + 0,5m x 2) x (0,8m x 2 +0,11m) + 1,1m x 0,75m	m²	#####	394,833	1.011	#NAME?			Khoản a5; Điều 11; Mục 1; Chương 2 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2055
		291		Tổng 291 ngôi							#NAME?	

STT	Tên PL
28	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: I. Nhà một tầng có chiều cao tường $\geq 3\text{m}$ - STT 28
29	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: I. Nhà một tầng có chiều cao tường $\geq 3\text{m}$ - STT 29
30	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: I. Nhà một tầng có chiều cao tường $\geq 3\text{m}$ - STT 30
31	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: I. Nhà một tầng có chiều cao tường $\geq 3\text{m}$ - STT 31
32	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: I. Nhà một tầng có chiều cao tường $\geq 3\text{m}$ - STT 32
40	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: I. Nhà một tầng có chiều cao tường $\geq 3\text{m}$ - STT 40
41	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: I. Nhà một tầng có chiều cao tường $\geq 3\text{m}$ - STT 41
42	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 42
43	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 43
44	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 44
45	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 45
46	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 46
47	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 47
48	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 48
49	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 49

50	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 50
51	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 51
52	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 52
53	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 53
54	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 54
55	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 55
56	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 56
57	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 57
58	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 58
59	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 59
60	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 60
61	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 61
62	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 62
63	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 63
64	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 64
65	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 65

66	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 66
67	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 67
68	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 68
69	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: II. Nhà 2 tầng, mái bằng - STT 69
70	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: III. Nhà 3 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín - STT 70
71	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: III. Nhà 3 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín - STT 71
72	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: III. Nhà 3 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín - STT 72
73	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: III. Nhà 3 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín - STT 73
74	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: III. Nhà 3 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín - STT 74
75	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: III. Nhà 3 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín - STT 75
76	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: III. Nhà 3 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín - STT 76
77	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: III. Nhà 3 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín - STT 77
78	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: III. Nhà 3 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín - STT 78
79	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: IV. Nhà 4 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín - STT 79
80	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: IV. Nhà 4 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín - STT 80
81	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: IV. Nhà 4 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín - STT 81

82	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: IV. Nhà 4 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín - STT 82
83	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: IV. Nhà 4 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín - STT 83
84	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: IV. Nhà 4 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín - STT 84
85	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: IV. Nhà 4 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín - STT 85
86	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: IV. Nhà 4 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín - STT 86
87	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: V. Nhà 5 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín -STT 87
88	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: V. Nhà 5 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín -STT 88
89	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: V. Nhà 5 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín -STT 89
90	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: V. Nhà 5 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín -STT 90
91	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: V. Nhà 5 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín -STT 91
92	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: V. Nhà 5 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín -STT 92
93	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: V. Nhà 5 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín -STT 93
94	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 1: V. Nhà 5 tầng, mái bằng công trình phụ khép kín -STT 94
1	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: I. Công tác đào đắp đất, đóng cọc tre - STT 1
2	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: I. Công tác đào đắp đất, đóng cọc tre - STT 2

3	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: I. Công tác đào đắp đất, đóng cọc tre - STT 3
4	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: I. Công tác đào đắp đất, đóng cọc tre - STT 4
6	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: I. Công tác đào đắp đất, đóng cọc tre - STT 6
11	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 11
12	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 12
13	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 13
14	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: II. Công tác xây gạch - STT 14
45	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: III. Công tác bê tông - STT 45
54	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3. IV. Công tác cốt thép - STT 54
55	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3. IV. Công tác cốt thép - STT 55
56	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3. IV. Công tác cốt thép - STT 56
73	Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Mục 3: V. Công tác ván khuôn -STT 73

Tên hạng mục	Đơn vị tính
Nhà xây gạch chỉ, mái bằng, tường 220, không gia cố nền móng, có công trình phụ khép kín	m ² sàn
Nhà xây gạch chỉ, mái bằng, tường 220 móng bê tông cốt thép, có công trình phụ khép kín	m ² sàn
Nhà xây gạch chỉ, mái bằng, tường 220, móng xây gạch đặc, không có công trình phụ	m ² sàn
Nhà xây gạch chỉ, mái bằng, tường 220, móng bê tông cốt thép, không có công trình phụ	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, mái bằng, tường 220 móng bê tông cốt thép, có công trình phụ khép kín	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, mái bằng, tường 220, không gia cố nền móng, có công trình phụ khép kín	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, mái bằng, tường 220, không gia cố nền móng, không có công trình phụ	m ² sàn
Nhà xây gạch chỉ, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng băng bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín	m ² sàn
Nhà xây gạch chỉ, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng băng bê tông cốt thép, không có công trình phụ	m ² sàn
Nhà xây gạch chỉ, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng đơn bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín	m ² sàn
Nhà xây gạch chỉ, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng đơn bê tông cốt thép, không có công trình phụ	m ² sàn
Nhà xây gạch chỉ, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng cọc bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín (đơn giá chưa bao gồm cọc BTCT)	m ² sàn
Nhà xây gạch chỉ, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng cọc bê tông cốt thép, không có công trình phụ (đơn giá chưa bao gồm cọc BTCT)	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 110, Móng băng bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 110, Móng băng bê tông cốt thép, không có công trình phụ khép kín	m ² sàn

Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng đơn bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng đơn bê tông cốt thép, không có công trình phụ khép kín	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng cọc bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín (đơn giá chưa bao gồm cọc BTCT)	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng cọc bê tông cốt thép, không có công trình phụ khép kín (đơn giá chưa bao gồm cọc BTCT)	m ² sàn
Nhà xây gạch chi, tường chịu lực 220, Móng băng bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín	m ² sàn
Nhà xây gạch chi, tường chịu lực 220, Móng băng bê tông cốt thép, không có công trình phụ khép kín	m ² sàn
Nhà xây gạch chi, kết cấu khung chịu lực, tường 220, móng băng bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín	m ² sàn
Nhà xây gạch chi, kết cấu khung chịu lực, tường 220, móng băng bê tông cốt thép, không có công trình phụ	m ² sàn
Nhà xây gạch chi, kết cấu khung chịu lực, tường 220, móng đơn bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín	m ² sàn
Nhà xây gạch chi, kết cấu khung chịu lực, tường 220, móng đơn bê tông cốt thép, không có công trình phụ	m ² sàn
Nhà xây gạch chi, kết cấu khung chịu lực, tường 220, móng cọc bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín (đơn giá chưa bao gồm cọc BTCT)	m ² sàn
Nhà xây gạch chi, kết cấu khung chịu lực, tường 220, móng cọc bê tông cốt thép, không có công trình phụ (đơn giá chưa bao gồm cọc BTCT)	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, tường chịu lực 220, Móng băng bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, tường chịu lực 220, Móng băng bê tông cốt thép, không có công trình phụ khép kín	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 220, Móng băng bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 220, Móng băng bê tông cốt thép, không có công trình phụ khép kín	m ² sàn

Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 220, móng đơn bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 220, móng đơn bê tông cốt thép, không có công trình phụ khép kín	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 220, móng cọc bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín (đơn giá chưa bao gồm cọc BTCT)	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 220, móng cọc bê tông cốt thép, không có công trình phụ khép kín (đơn giá chưa bao gồm cọc BTCT)	m ² sàn
Nhà xây gạch chi, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng băng bê tông cốt thép	m ² sàn
Nhà xây gạch chi, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng cọc bê tông cốt thép (đơn giá chưa bao gồm cọc BTCT)	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng băng bê tông cốt thép	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng cọc bê tông cốt thép (đơn giá chưa bao gồm cọc BTCT)	m ² sàn
Nhà xây gạch chi, tường chịu lực 220, móng băng bê tông cốt thép.	m ² sàn
Nhà xây gạch chi, kết cấu khung chịu lực, tường 220, móng băng bê tông cốt thép.	m ² sàn
Nhà xây gạch chi, kết cấu khung chịu lực, tường 220, móng cọc bê tông cốt thép (đơn giá chưa bao gồm cọc BTCT)	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 220, móng băng bê tông cốt thép	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 220, móng cọc bê tông cốt thép (đơn giá chưa bao gồm cọc BTCT)	m ² sàn
Nhà xây gạch chi, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng băng bê tông cốt thép.	m ² sàn
Nhà xây gạch chi, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng cọc bê tông cốt thép (đơn giá chưa bao gồm cọc BTCT)	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng băng bê tông cốt thép.	m ² sàn

Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng cọc bê tông cốt thép (đơn giá chưa bao gồm cọc BTCT)	m ² sàn
Nhà xây gạch chi, kết cấu khung chịu lực, tường 220, móng băng bê tông cốt thép	m ² sàn
Nhà xây gạch chi, kết cấu khung chịu lực, tường 220, móng cọc bê tông cốt thép (đơn giá chưa bao gồm cọc BTCT)	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 220, móng băng bê tông cốt thép	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 220, móng cọc bê tông cốt thép (đơn giá chưa bao gồm cọc BTCT)	m ² sàn
Nhà xây gạch chi, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng băng bê tông cốt thép.	m ² sàn
Nhà xây gạch chi, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng cọc bê tông cốt thép (đơn giá chưa bao gồm cọc BTCT)	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng băng bê tông cốt thép.	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng cọc bê tông cốt thép (đơn giá chưa bao gồm cọc BTCT)	m ² sàn
Nhà xây gạch chi, tường 220, kết cấu khung chịu lực, móng băng bê tông cốt thép.	m ² sàn
Nhà xây gạch chi tường 220, kết cấu khung chịu lực, móng cọc bê tông cốt thép (đơn giá chưa bao gồm cọc BTCT)	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung, tường 220, kết cấu khung chịu lực, móng băng bê tông cốt thép.	m ² sàn
Nhà xây gạch không nung tường 220, kết cấu khung chịu lực, móng cọc bê tông cốt thép (đơn giá chưa bao gồm cọc BTCT)	m ² sàn
Đào móng trụ cột bằng thủ công	m ³
Đào móng băng, bằng thủ công	m ³

Đào móng bằng máy đào 0,8m ³	m ³
Đắp đất nền móng công trình, bằng thủ công	m ³
Đắp cát nền móng công trình bằng thủ công cát modul 0,7-1,4	m ³
Xây móng gạch chỉ vữa TH M50	m ³
Xây móng gạch chỉ vữa XM M75	m ³
Xây móng gạch chỉ vữa XM M50	m ³
Xây móng bằng gạch không nung vữa XM M75	m ³
Bê tông móng vữa BT mác 200	m ³
Sản xuất, lắp dựng cốt thép móng đường kính $\leq 10\text{mm}$	kg
Sản xuất, lắp dựng cốt thép móng đường kính $\leq 18\text{mm}$	kg
Sản xuất, lắp dựng cốt thép móng đường kính $>18\text{mm}$	kg
Sản xuất, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn móng	m ²

Đơn giá (đồng)
4,466,728
4,679,207
3,875,588
4,209,238
4,638,685
4,426,180
3,836,850
4,955,105
4,839,720
4,644,406
4,521,603
4,097,958
3,997,401
4,936,692
4,806,392

4,625,992
4,503,744
4,080,098
3,978,028
5,110,181
4,942,156
5,070,558
4,906,716
4,898,716
4,810,356
4,352,268
4,212,272
5,081,483
4,914,871
5,048,121
4,882,148

4,872,175
4,785,100
4,325,727
4,187,015
4,641,748
4,312,270
4,621,826
4,312,270
4,475,204
4,919,270
4,603,728
4,891,545
4,575,937
4,939,349
4,255,936
4,916,311

4,232,264
5,248,812
4,365,557
5,220,145
4,341,247
4,980,346
4,290,409
4,957,116
4,266,950
5,291,852
4,401,355
5,262,950
4,376,845
386,181
266,100

32,139
185,275
473,035
1,805,394
1,920,315
1,869,307
1,952,153
2,324,553
25,381
25,019
24,722
124,919

**PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ DI DỜI MỞ MÃ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH ĐỂ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU PHỨC HỢP ĐÔ THỊ DU LỊCH SINH THÁI,
SÂN GÔN KHOÁI CHÁU, TỈNH HƯNG YÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÔN ĐỒNG KẾT VÀ THÔN TRUNG CHÂU, XÃ KHOÁI CHÂU**
(Kèm theo Quyết định số 1981/QĐ - UBND ngày 14 / 7 /2026 của UBND xã Khoái Châu)

TT	Họ và tên người đại diện	Số lượng mộ	Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)
I	THÔN ĐỒNG KẾT										
1	Lê Thị Xuyên	1	Đỗ Thị Kén	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1	7,000,000	1	7,000,000	24,564,187	24,564,187
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50 KT: (1,2m + 0,8m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	1.06	1,805,394	1.011	1,927,468		
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,2m + 0,8m) x 2 x 0,5m + (0,7m + 0,6m x 2) x 0,9m) x 0,11m	m³	0.41	2,165,333	1.011	893,393		
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ và mái KT: 1,3m x 0,9m x 0,1m+ 1,1m x 0,9m x 0,2m	m³	0.32	3,000,140	1.011	955,440		
				Óp đá Granit tự nhiên vào tường, sử dụng keo dán, DT: (1,3m + 0,9m) x 2 x 0,5m + (0,7m + 0,6m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,9m + 1,1m x 0,9m	m²	7.99	1,707,081	1.011	13,787,887		
		1	Trần Nhân Thắng	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1	7,000,000	1	7,000,000	25,100,892	25,100,892
				Xây tường gạch chỉ phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (2,0m + 1,1m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	1.64	1,949,168	1.011	3,225,493		
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((2,1m + 1,2m) x 2 x 0,7m + (0,7m + 1,3m x 2) x 1,0m + (0,6m + 0,3m) x 2 x 0,5m) x 0,11m	m³	0.97	2,165,333	1.011	2,123,915		
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: (2,2m + 1,3m) x 2 x 0,7m + (0,9m + 1,3m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + (0,6m + 0,3m) x 2 x 0,5m	m²	13.19	122,264	1.011	1,629,783		
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (2,2m + 1,3m) x 2 x 0,7m + (0,9m + 1,3m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + (0,6m + 0,3m) x 2 x 0,5m	m²	13.19	126,825	1.011	1,690,582		
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 2,2m x 1,3m x 0,1m x 2 + 1,3m x 0,9m x 0,1m	m³	0.69	3,000,140	1.011	2,089,835		
				Dán ngói mũi hài KT: (1,8m + 1,5m) x 0,9m x 2 + (1,5m + 1,3m) x 0,6m x 2	m²	9.30	698,196	1.011	6,564,648		
				Lát nền, sàn bằng gạch Granit 400x400mm KT: 4,5m x 3m + 17m x 1m	m²	30.50	472,705	0	0		
				Óp đá granit tự nhiên vào tường sử dụng keo dán KT 0,75x0,2m (Cầu đối)	m²	0.45	1,707,081	1.011	776,637		
	Nguyễn Đức Tiếp (Đại diện nhận)	1	Phan Văn Thoa	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1	7,000,000	1	7,000,000	11,067,850	11,067,850
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, vữa TH M50, KT: (1,1m + 0,95m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	1.08	1,805,394	1.011	1,975,654		
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25, KT: ((1,1m + 0,95m) x 2 x 0,6m + (0,85m + 0,6m x 2) x 0,6m) x 0,11m	m³	0.41	2,165,333	1.011	888,577		
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: 1,2m x 1,05m x 0,1m	m³	0.13	3,000,140	1.011	382,176		
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 KT, DT: (1,2m + 1,05m) x 2 x 0,6m + (0,85m + 0,6m x 2) x (0,6m x 2 + 0,11m) + 1,2m x 1,05m	m²	6.65	122,264	1.011	821,443		
		7	Lê Bá Quang; Đỗ Thị Hòa; Lê Bá Nghi; Đỗ Thị Thục; Lê Bá Kha; Đỗ Thị Đối; Lê Thị Ngân	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1	7,000,000	1	7,000,000	17,920,496	
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vữa TH M50 KT: (1,6m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	1.37	1,805,394	1.011	2,505,708		
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,6m + 1,0m) x 2 x 0,7m + (0,8m + 0,6m x 2) x 1,3m) x 0,11m	m³	0.69	2,165,333	1.011	1,502,634		
				Óp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,7m + 1,1m) x 2 x 0,7m + (1,0m + 0,6m x 2) x (1,3m x 2 + 0,11m) + 1,7m x 1,1m	m²	11.75	478,888	1.011	5,689,799		
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,7m x 1,1m x 0,1m + 0,9m x 0,6m x 0,2m x 2	m³	0.40	3,000,140	1.011	1,222,356		

TT	Họ và tên người đại diện	Số lượng mộ	Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)
3	Lê Thị Kim Dung	2	Tự Phúc Yên; Hiệu Diệu Tiến	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1	7,000,000	1	7,000,000	23,595,249	172,633,970
				Xây tường gạch chi phần âm chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (2,3m + 1,2m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	1.85	1,949,168	1.011	3,641,685		
				Xây tường mộ gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((2,4m + 1,3m) x 2 x 0,9m + (1,0m + 0,9m x 2) x 1,0m) x 0,11m	m³	1.04	2,165,333	1.011	2,278,031		
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (2,5m + 1,4m) x 2 x 0,9m + (1,2m + 0,9m x 2) x (1,0m x 2 + 0,11m) + 2,5m x 1,4m	m²	16.85	478,888	1.011	8,158,025		
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 2,5m x 1,4m x 0,1m + 1,2m x 1,0m x 0,2m x 2	m³	0.83	3,000,140	1.011	2,517,507		
				Bê tông nền BT, mác 200 (Sân)	m²	180.00	2,309,664	0	0		
4	Nguyễn Đức Long	1	Nguyễn Đức Tuyên	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1	7,000,000	1	7,000,000	42,655,974	42,655,974
				Xây móng mộ bằng gạch chi, mác vữa TH M50 KT: (1,2m + 0,7m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	1.00	1,805,394	1.011	1,831,094		
				Xây tường mộ gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,2m + 0,7m) x 2 x 0,6m + (0,3m + 0,65m x 2) x 0,8m + 1,9m x 2,0m + (1,5m + 1,2m) x 2 x 0,6m) x 0,11m	m³	1.17	2,165,333	1.011	2,552,551		
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,3m + 0,8m) x 2 x 0,6m + (0,5m + 0,65m x 2) x (0,8m x 2 + 0,11m) + 1,3m x 0,8m + 2,0m x 2,1m + 2,7m x 2,0m	m²	16.24	478,888	1.011	7,861,721		
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: (1,6m + 1,3m) x 2 x 0,6m	m²	3.48	122,264	1.011	430,159		
				Son tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,6m + 1,3m) x 2 x 0,6m	m²	3.48	126,825	1.011	446,206		
				Dán ngói mũi hài KT: (3,0m + 2,5m) x 0,8m x 2 + (2,0m + 1,6m) x 0,6m x 2	m²	13.12	698,196	1.011	9,261,095		
				Bê tông cột BT mác 200 KT: 0,1m x 0,1m x 3,14 x 2m x 4 + 0,15m x 0,15m x 3,14 x 2m x 4	m³	0.82	3,226,656	1.011	2,663,219		
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 3,0m x 2,5m x 0,3m + 1,6m x 1,3m x 0,3m x 2	m³	3.50	3,000,140	1.011	10,609,929		
				Sân lát gạch ceramic 500x500mm DT: 1,3m x 17m + 8m x 6,5m	m²	74.10	359,110	0	0		
				Xây tường gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 (Tường rào)	m³	15.40	2,165,333	0	0		
				Xây cột trụ gạch chi h ≤ 6m, vữa XM M50 (Trụ cổng 0,5*0,5*2)	m³	0.50	2,543,957	0	0		
5	Đỗ Việt Hùng	1	Đỗ Văn Ba	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1	7,000,000	1	7,000,000	19,128,169	19,128,169
				Xây móng mộ bằng gạch chi, mác vữa TH M50 KT: (1,1m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	1.11	1,805,394	1.011	2,023,841		
				Xây tường mộ gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,1m + 1,0m) x 2 x 0,9m + 0,9m x 0,9m) x 0,11m	m³	0.50	2,165,333	1.011	1,105,303		
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm DT: (1,2m + 1,1m) x 2 x 0,9m + 1,0m x 1,0m x 2 + 1,2m x 1,1m	m²	7.46	478,888	1.011	3,611,802		
				Dán ngói mũi hài KT: (1,3m + 1,3m) x 0,8m x 2	m²	4.16	698,196	1.011	2,936,445		
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,2m x 1,1m x 0,1m + 1,3m x 1,3m x 0,2m x 2	m³	0.81	3,000,140	1.011	2,450,778		
6	Đỗ Bá Kiệm	1	Đỗ Hoàng Linh	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1	7,000,000	1	7,000,000	15,113,230	15,113,230
				Xây móng mộ bằng gạch chi, mác vữa TH M50 KT: (1,7m + 0,6m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	1.21	1,805,394	1.011	2,216,588		
				Xây tường mộ gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,7m + 0,6m) x 2 x 1,0m + (0,5m + 0,5m x 2) x 0,8m) x 0,11m	m³	0.64	2,165,333	1.011	1,396,679		
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 DT: (1,8m + 0,7m) x 2 x 1,0m + (0,7m + 0,5m x 2) x (0,8m x 2 + 0,11m) + 1,8m x 0,7m	m²	9.17	122,264	1.011	1,133,123		
				Son tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,8m + 0,7m) x 2 x 1,0m + (0,7m + 0,5m x 2) x (0,8m x 2 + 0,11m) + 1,8m x 0,7m	m²	9.17	126,825	1.011	1,175,393		

TT	Họ và tên người đại diện	Số lượng mộ	Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)
				Dán ngói mũi hài KT: (1,0m + 0,7m) x 0,4m x 2	m²	1.36	698,196	1.011	959,992		
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,8m x 0,7m x 0,1m + 1,0m x 0,7m x 0,2m x 2	m³	0.41	3,000,140	1.011	1,231,455		
7	Trần Thị Thor (Dũng)	1	Đỗ Đắc Cường	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1	7,000,000	1	7,000,000	13,469,253	13,469,253
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vừa TH M50 KT: (1,8m + 1,2m) x 2 x 1,2x 0,22m	m³	0.57	1,805,394	1.011	1,040,832		
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vừa TH M25 KT: ((1,8m + 1.2m)x2 x 0,6m + (1,36m + 1,2m)x2 x 0,6m) x 0,11m	m³	0.73	2,165,333	1.011	1,606,662		
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 2.1*1.5*0.2 *2	m³	1.26	3,000,140	1.011	3,821,758		
8	Nguyễn Văn Ninh	3	Nguyễn Văn Năng, Nguyễn Thị Thiệp, Nguyễn Thị Lý	Mộ đất có chủ đã cài tiểu	ngôi	3	7,000,000	1	21,000,000	21,000,000	21,000,000
9	Đỗ Văn Dũng (Thanh)	5	Đỗ Văn Lẻ; Nguyễn Thị Tánh; Đỗ Văn Vĩ; Lê Thị Xuân; Đỗ Văn Hương	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	14,161,293	94,858,100
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vừa TH M50 KT: (1,4m + 1,0m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	1.27	1,805,394	1.011	2,312,961		
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vừa TH M25 KT: ((1,5m + 1,1m) x 2 x 0,9m + (0,5m + 0,5m x 2) x 1,1m) x 0,11m	m³	0.70	2,165,333	1.011	1,524,306		
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,6m x 1,2m x 0,1m	m³	0.19	3,000,140	1.011	582,363		
				Trát tường ngoài vừa XM mác 50 DT: (1,6m + 1,2m) x 2 x 0,9m + (0,7m + 0,5m x 2) x (1,1m x 2 + 0,11m) + 1,6m x 1,2m	m²	10.89	122,264	1.011	1,345,730		
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,6m + 1,2m) x 2 x 0,9m + (0,7m + 0,5m x 2) x (1,1m x 2 + 0,11m) + 1,6m x 1,2m	m²	10.89	126,825	1.011	1,395,932		
		2	Đỗ Văn Thanh; Đỗ Văn Hùng	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	12,025,818	
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vừa TH M50 KT: (1,0m + 0,65m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	0.87	1,805,394	1.011	1,590,161		
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vừa TH M25 KT: ((1,0m + 0,65m) x 2 x 0,6m + (0,55m + 0,5m x 2) x 0,8m) x 0,11m	m³	0.35	2,165,333	1.011	775,398		
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,1m x 0,75m x 0,1m	m³	0.08	3,000,140	1.011	250,234		
Trát granitô tường vừa XM mác 75 KT: (1,1m + 0,75m) x 2 x 0,6m + (0,75m + 0,5m x 2) x (0,8m x 2 + 0,11m) + 1,1m x 0,75m	m²	6.04	394,833	1.011	2,410,026						
10	Đỗ Như Quân	1	Đỗ Như Côn	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	12,730,573	12,730,573
				Xây móng mộ bằng gạch chỉ, mác vừa TH M50 KT: (1,8m + 0,76m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	1.35	1,805,394	1.011	2,467,158		
				Xây tường mộ gạch chỉ, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vừa TH M25 KT: ((1,8m + 0,98m) x 2 x 0,5m + (1,2m + 0,5m) x 2 x 1,2m) x 0,11m	m³	0.64	2,165,333	1.011	1,406,311		
				Bê tông tấm đan mặt mộ mác 200 KT: 1,3m x 0,98m x 0,1m	m³	0.13	3,000,140	1.011	386,422		
				Trát tường ngoài vừa XM mác 50 DT: (1,8m + 0,98m) x 2 x 0,5m + (1,2m + 0,5m) x 2 x 1,2m)	m²	5.84	122,264	1.011	721,876		
				Sơn tường ngoài không bả 1 nước lót + 2 nước phủ DT: (1,8m + 0,98m) x 2 x 0,5m + (1,2m + 0,5m) x 2 x 1,2m)	m²	5.84	126,825	1.011	748,805		
			Lê Đình Tú; Đỗ Thị Quý	Mộ đất có chủ đã cài tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	7,000,000	

TT	Họ và tên người đại diện	Số lượng mộ	Tên mộ	Diễn giải (Quy cách)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường	Thành tiền	Thành tiền 1 ngôi (đồng)	Tổng tiền (đồng)
11	Đỗ Văn Phúc	4	Lê Đình Quy; Đỗ Thị Hoan	Tiểu phát sinh do bị vỡ (đã chuyển mộ rồi)	cái	1.00	1,000,000	1	1,000,000	1,000,000	32,000,000
12	Đỗ Đắc Dũng (mộ trong ruộng bà Ngải Tham)	2	Đỗ Đắc Đại; Lê Thị Viết	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1	7,000,000	1	7,000,000	15,309,269	79,909,041
				Xây móng mộ bằng gạch chi, mác vừa TH M50 KT: (1,8m + 0,76m) x 2 x 1,2m x 0,22m	m³	1.35	1,805,394	1.011	2,467,158		
				Xây tường mộ gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: ((1,8m + 0,98m) x 2 x 0,5m + (1,2m + 0,5m) x 2 x 1,2m) x 0,11m	m³	0.64	2,165,333	1.011	1,406,311		
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (1,8m + 0,98m) x 2 x 0,5m + (0,9m + 0,6m x 2) x (0,9m x 2 + 0,11m) + 1,5m x 0,98m	m²	8.24	478,888	1.011	3,989,928		
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: 1,5m x 0,98m x 0,1m	m³	0.15	3,000,140	1.011	445,872		
		Lăng mộ		Xây tường lăng gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: 3,5mx3,3mx3m*0.11	m³	3.81	2,165,333	1.011	8,343,952	49,290,503	
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: (3.5+3.3)x2x3	m²	40.80	478,888	1.011	19,753,555		
				Bê tông tấm đan mác 200 mái KT: (1,5mx1,0mx4+2,5mx1,5mx4)*0.1 (1 mái to, 1 mái nhỏ)	m³	2.10	3,000,140	1.011	6,369,597		
Dán ngói mũi hài KT: (1,5mx1,0mx4+2,5mx1,5mx4) (1 mái to, 1 mái nhỏ)	m²	21.00	698,196	1.011	14,823,399						
13	Đỗ Bá Lung (Đã phê duyệt PA BTHT tại QĐ số 1791/QĐ-UBND ngày 08/6/2026, nay trình phê duyệt bổ sung bề hóa vàng)		Bề hóa vàng	Xây tường bề hóa vàng gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: (1,10m + 0,8m) x 2 x 1m	m³	0.42	2,165,333	1.011	915,065	1,700,226	1,700,226
				Bê tông tấm đan mác 200 KT: 1,30m x 0,8m x 0,1m	m³	0.10	3,000,140	1.011	315,447		
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 KT: 1,1mx1mx2+0,8mx1mx2	m²	3.80	122,264	1.011	469,714		
14	Đỗ Thị Hoat (Đã phê duyệt PA BTHT tại QĐ số 1258/QĐ-UBND ngày 11/5/2026, nay trình phê duyệt bổ sungđài tưởng niệm gia đình)		Đài tưởng niệm gia đình	Xây móng bằng gạch chi, mác vừa TH M50 KT: 0,6mx0,22mx1	m³	0.13	1,805,394	1.011	240,933	1,079,667	1,079,667
				Xây tường gạch chi, chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25 KT: 1,2mx0,6m	m³	0.16	1,949,168	1.011	312,144		
				Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm, DT: 1,2mx0,6m	m²	0.72	478,888	1.011	348,592		
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50 KT: 1,2mx0,6mx2	m²	1.44	122,264	1.011	177,997		
II	THÔN TRUNG CHÂU										
15	Nguyễn Đình Tuấn	1	Đỗ Thị Tháo	Mộ đất có chủ đã cải tiểu	ngôi	1	7,000,000	1	7,000,000	7,000,000	7,000,000
16	Hoàng Văn Thành (có mộ trong ruộng nhà ông Trương Công Thuận)	1	Mộ cụ đời trước	Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1.00	7,000,000	1	7,000,000	8,195,757	8,195,757
				Xây móng mộ bằng gạch chi, vữa TH M50 KT: (3,14 x 0.45 x 0.45m) x 1,2m x 0,22m (mộ tròn)	m³	0.17	1,805,394	1.011	306,395		
				Xây tường gạch chi, chiều dày ≤ 11cm, cao ≤ 4m, vữa TH M25. KT: ĐK 0,9m; cao 0,6m	m³	0.19	2,165,333	1.011	408,312		
				Bê tông tấm đan mác 200 mặt mộ KT: ĐK 0,9m, độ dày bê tông 0,1m	m³	0.06	3,000,140	1.011	192,862		
				Trát tường ngoài vữa XM mác 50. DT: ĐK 0,9m; cao 0,6m	m²	2.33	122,264	1.011	288,188		
				Mộ đơn lẻ một ngôi một tiểu	ngôi	1	7,000,000	1	7,000,000		

[illegible]

